



**PETROLIMEX**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ  
PETROLIMEX HÀ TÂY**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

# **2017**



# MỤC LỤC

<b>I</b>	<b>Thông điệp của Hội đồng quản trị</b>	<b>2</b>
	<b>THÔNG TIN KHÁI QUÁT</b>	<b>3</b>
	1. Quá trình hình thành phát triển	4
	2. Ngành nghề kinh doanh, Địa bàn kinh doanh	5
	3. Sơ đồ tổ chức	5
	4. Định hướng phát triển 2018	9
	5. Rủi ro	12
<b>II</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017</b>	<b>15</b>
	1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
	2. Tổ chức và Nhân sự	20
	3. Lao động và chính sách lao động	33
	4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	35
	5. Tình hình tài chính	36
	6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	40
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>41</b>
	1. Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2017	42
	2. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2017	43
	3. Nhìn lại những thành tựu, tiến bộ của Công ty năm 2017	45
	4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2018	45
<b>IV</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>49</b>
	1. Đánh giá tổng quản về kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh	50
	2. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty	51
	3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc	53
	4. Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2018	54
<b>VI</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>55</b>
	1. Hội đồng quản trị	56
	2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát	60
	3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2017	61
	4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	62
	5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	62
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	<b>63</b>
	1. Tiêu thụ năng lượng	64
	2. Bảo vệ môi trường	65
	3. Chính sách liên quan đến người lao động	66
<b>VII</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017</b>	<b>68</b>

# Thông điệp của Hội đồng quản trị

*Kính thưa quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và người lao động,*

*Năm 2017 là một năm nền kinh tế có nhiều dấu hiệu tích cực. Sau khi tăng trưởng cao hơn dự đoán, nền kinh tế thế giới có khả năng sẽ duy trì được đà hiện nay và đạt mức tăng 3,1% trong cả năm 2018, theo dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB). Bởi vậy, tình hình kinh tế Việt Nam nhìn chung năm 2017, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản có sự cải thiện so với năm 2016, với tốc độ tăng trưởng của GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (đã loại trừ yếu tố giá) và tổng vốn đầu tư toàn xã hội đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Cho thấy kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, việc tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh nhất trong các chỉ tiêu lại cho thấy hiệu quả đầu tư thấp và chưa bền vững.*

*Nhìn chung năm 2017 tình hình kinh tế đất nước có sự khởi sắc, tuy nhiên hoạt động SXKD của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự đoàn kết và nỗ lực cao, Hội đồng quản trị đã triển khai tích cực, triển khai đầy đủ, kịp thời và có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và có được những kết quả hết sức khả quan, tạo được những tiền đề thuận lợi cho năm 2018 và những năm tiếp theo.*

*Từ bối cảnh chung của nền kinh tế và ngành, hoạt động kinh doanh của Công ty năm qua cũng gặp nhiều yếu tố không thuận lợi. Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, năm 2017 Công ty đã có được những kết quả đáng ghi nhận: Doanh thu bán lẻ xăng dầu đạt 722.045 triệu đồng đạt 111,68% so với năm 2016. Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ đạt 84.296 triệu đồng tương đương 104.84% so với năm 2016.*

*Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin trân trọng cảm ơn Lãnh đạo, các phòng ban Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex đã quan tâm và tạo điều kiện giúp đỡ Công ty; đồng thời cũng xin được cảm ơn các Quý vị Cổ đông, các đối tác, khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty trong những năm qua. Chúng tôi cam kết với trách nhiệm và khả năng của mình sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Công ty!*

**Thay mặt Hội đồng quản trị,  
Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**VŨ QUANG TUẤN**

# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	:	<b>Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây</b>
Tên giao dịch	:	Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây
Giấy chứng nhận ĐKKD	:	0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần thứ 10 ngày 19 tháng 05 năm 2014
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Lê Tự Cường
Vốn điều lệ	:	18.399.750.000 đồng (Mười tám tỷ ba trăm chín mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)
Số lượng cổ phần đã phát hành	:	1.8309.975 cổ phần
Trụ sở chính	:	Km17, Quốc lộ 6, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại	:	024 33535228
Fax	:	024 33531214
Website	:	<a href="http://www.ptshatay.petrolimex.com.vn">www.ptshatay.petrolimex.com.vn</a>
Tên viết tắt	:	PTH Hà Tây
Mã cổ phiếu	:	<b>PTH</b>

Logo



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

**2017** Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ từ 16 tỷ đồng lên 18.399.750 đồng



Được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch trên Sàn UPCoM với giá tham chiếu 10.000 đồng/cổ phần

**2010**

**2009** Phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng bằng việc phát hành cho cổ đông hiện hữu

Tăng Vốn Điều lệ từ 6,5 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng bằng việc phát hành riêng lẻ cho Petrolimex và cho cổ đông hiện hữu

**2006**

**2003** Công ty tăng vốn điều lệ thành 6,5 tỷ đồng thông qua việc nhận chuyển giao tài sản từ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

Thành lập chi nhánh tại Hà Nội (khi đó Hà Tây chưa thuộc Hà Nội)

**2002**

**2001** Thành lập chi nhánh tại Hòa Bình

Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (PTS Hà Tây) là thành viên Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03.10.2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

**2000**

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN KINH DOANH

Định hướng trọng tâm của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây là: Đầu tư để phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu; Đầu tư để nâng cao chất lượng phương tiện vận tải, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vận chuyển xăng dầu cho các đơn vị trong ngành và nhu cầu của xã hội với phong cách phục vụ văn minh, chuyên nghiệp, đảm bảo số lượng và chất lượng, khẳng định uy tín và thương hiệu Petrolimex.

### Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh và vận tải xăng dầu

- ❖ Tổng đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các hàng hóa khác (Nhiên liệu xăng, nhiên liệu diesel (DO), Nhiên liệu đốt lò (FO), Dầu mỡ nhờn, Hàng hóa khác)



- ❖ Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư, thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu

- ❖ Vận chuyển xăng dầu cho các đơn vị thành viên của Petrolimex Việt Nam tại địa bàn Hà Nội (chủ yếu Hà Tây cũ), Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên



- ❖ Hỗ trợ vận chuyển cho các Công ty Xăng dầu Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang, Thái Bình,...
- ❖ Vận chuyển xăng dầu phục vụ nhu cầu vận chuyển cho nội bộ Công ty.

## Ngành nghề kinh doanh khác:

Ngoài 02 hoạt động chính trên, Công ty còn triển khai kinh doanh xây lắp, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng cột bơm, vật tư phụ tùng nhằm đáp ứng nhu cầu nội bộ và có sức cạnh tranh để vươn xa ra thị trường ngoài xã hội đặc biệt là các công ty xăng dầu trong và ngoài ngành.



- ❖ Kinh doanh xây lắp và sửa chữa: Công ty thực hiện xây lắp, sửa chữa chủ yếu là các công trình xăng dầu đáp ứng cho nội bộ Công ty và các công ty xăng dầu trong và ngoài ngành.

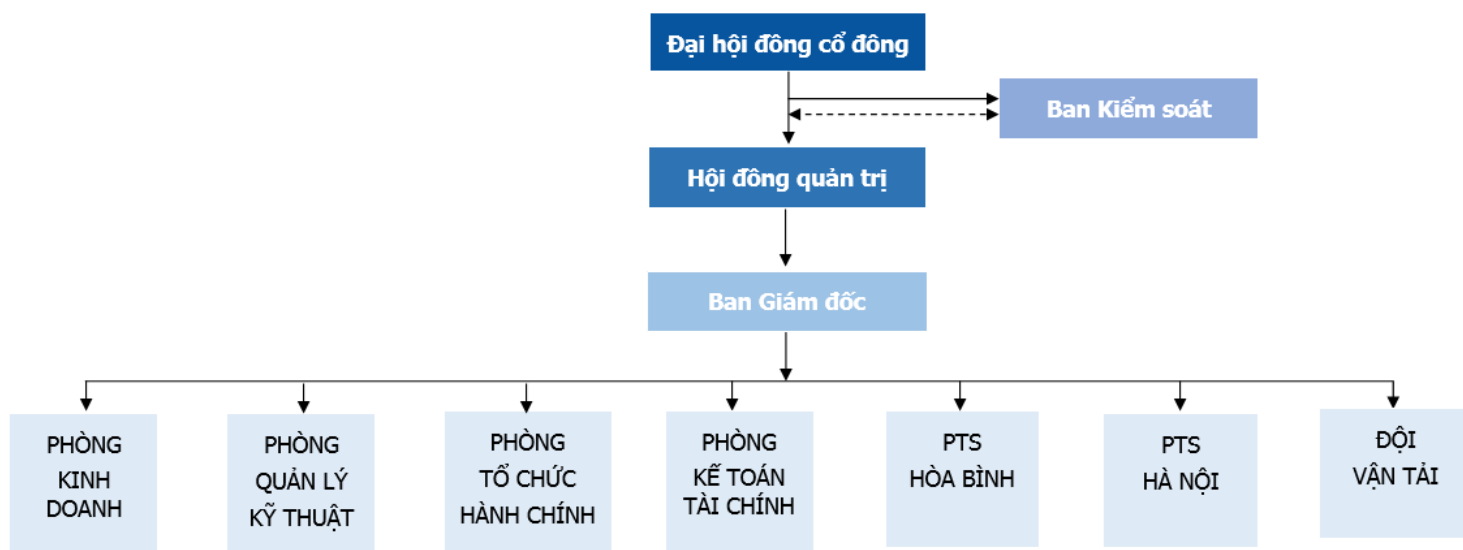


- ❖ Kinh doanh các sản phẩm khác: Công ty còn kinh doanh một số sản phẩm dịch vụ khác như kinh doanh sửa chữa ô tô, dịch vụ cho thuê sân bãi đỗ xe,...

## Địa bàn kinh doanh:

Chủ yếu là các tỉnh, thành phố Hà Nội (địa bàn tỉnh Hà Tây cũ), Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên và tái xuất sang Lào

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ



## ❖ Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn sau đây:

- Thông qua Điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Các quyền hạn khác do Điều lệ Công ty quy định.

## ❖ Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, bao gồm: Chủ



tịch và 04 thành viên.

#### ❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

#### ❖ **Ban Giám đốc Công ty:** Ban Giám đốc bao gồm 1 Giám đốc và 4 Phó giám đốc.

- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Phó giám đốc là người giúp việc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc nhiệm vụ được phân công; thực hiện các công việc thay Giám đốc khi được ủy quyền. Quyết định các công việc theo ủy quyền của Giám đốc và trong phạm vi quyền hạn.

#### ❖ **Các phòng chức năng:** thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn.

#### ❖ **Các chi nhánh, văn phòng:** thực hiện nhiệm vụ kinh doanh theo những lĩnh vực thuộc ngành nghề đã đăng ký kinh doanh của Công ty.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



## ❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

### ✚ Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Chủ động, linh hoạt, nhạy bén thích ứng với biến động của thị trường và cơ chế kinh doanh để đạt được mục tiêu kinh doanh; nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua tiết giảm chi phí và sử dụng nguồn lực hợp lý.
- Tổ chức tốt công tác vận tải xăng dầu bảo đảm nguồn cho các đơn vị được Tập đoàn giao nhiệm vụ, khai thác thêm nhu cầu vận tải ngoài nhiệm vụ.
- Kinh doanh xăng dầu các đơn vị cần phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động bám sát thị trường; tổ chức tốt công tác lập đơn hàng và bảo đảm nguồn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ Ngành, với chỉ tiêu sản lượng bán 2018 tăng trưởng tối thiểu 10% so với 2017.
- Tiếp tục áp dụng cơ chế khoán sản phẩm đối với từng loại hình kinh doanh trên cơ sở rà soát các định mức, chi phí hợp lý để tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

### ✚ Về công tác tài chính

- Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, bảo đảm an toàn tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

### ✚ Về đầu tư

Tiếp tục đầu tư đổi mới nâng cao chất lượng phương tiện vận tải và thay thế dần các xe đã quá cũ/sắp hết niên hạn sử dụng; ưu tiên tập trung đầu tư, phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu dưới các hình thức xây dựng mới, mua và cải tạo CHXD hiện có của xã hội, thuê cửa hàng. Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD; tăng cường công tác kiểm tra giám sát về PCCC, BVMT, công tác an toàn tiền hàng; đặc biệt công tác bảo đảm an toàn giao thông, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.

## ❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục giữ vững và ổn định thị phần vận tải trên địa bàn truyền thống của Công ty, đảm bảo tăng trưởng về vận tải từ 5 đến 10% mỗi năm.
- Tăng cường phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu, sửa chữa nâng cấp cửa hàng xăng dầu nâng cao tỷ trọng hiệu quả kinh doanh xăng dầu trong tổng lợi nhuận của Công ty.
- Tiếp tục củng cố và phát triển các loại hình kinh doanh vật tư phụ tùng, dịch vụ sửa chữa ô tô.
- Mở rộng và phát triển mạnh loại hình kinh doanh tổng hợp theo định hướng của Petrolimex: Bảo hiểm, Gas, nước giặt, sơn, ... và các loại hình kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

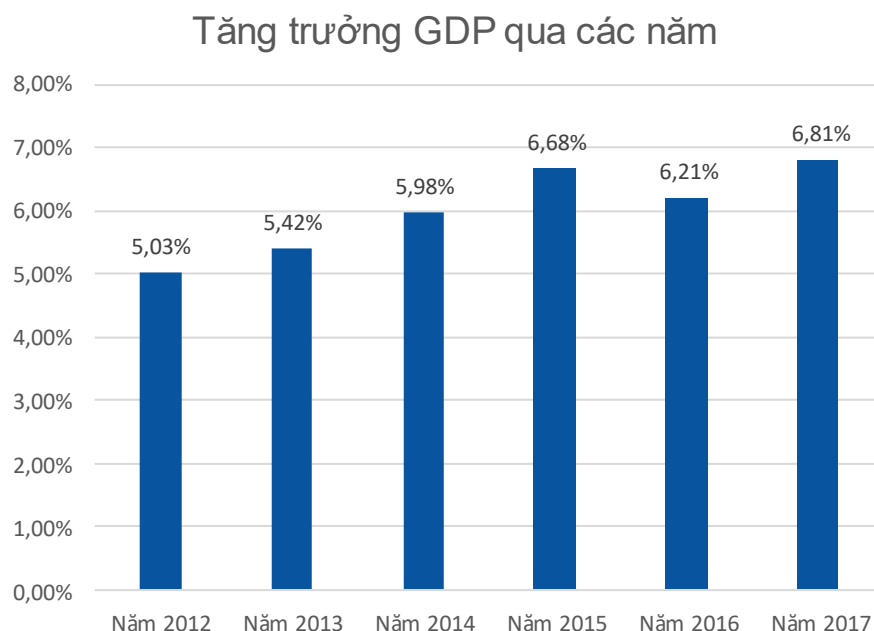
## ❖ Các mục tiêu phát triển bền vững

- Phát triển bền vững trên hai lĩnh vực kinh doanh chính là Vận tải xăng dầu và kinh doanh xăng dầu;
- Mở rộng thị trường vận tải trong nước và ra nước ngoài;
- Đầu tư, sửa chữa nâng cấp phương tiện vận tải và cửa hàng xăng dầu để tăng khả năng cạnh tranh;
- Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các cổ đông của Công ty;
- Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.



# RỦI RO

## ❖ Rủi ro kinh tế



Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2017 đạt 6,81% vượt kế hoạch đề ra từ đầu năm là 6,7%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2012 đến nay. Trong đó, quý I tăng trưởng GDP quý I tăng 5,15%, quý II tăng 6,17%, quý III có sự đột phá và tăng 7,46%, quý IV mức tăng trưởng vượt bậc đạt 7,65%. Theo Tổng cục Thống kê, để có mức tăng trưởng vượt bậc này, đóng góp chính nhờ kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,9% , góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8%, đóng góp vào 2,77% điểm phần trăm. Khu vực dịch vụ tăng 7,44% đóng góp 2,87 điểm phần trăm. Hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với nhu cầu lưu thông hàng hóa và tăng trưởng kinh tế vì vậy mức tăng trưởng của năm 2017 đã có những tác động khá lớn đến nhu cầu tiêu dùng và vận chuyển hàng hóa, tác động trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty.

## ❖ **Rủi ro về kinh doanh**

Nguồn doanh thu chính và chủ yếu của công ty đến cung cấp dịch vụ vận tải bộ và bán xăng dầu. Xăng dầu là một yếu tố chịu nhiều biến động về giá theo nguồn cung trên thị trường. Hiện nay, giá cơ sở được quy định theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP, mức giá sẽ bao gồm chi phí vận chuyển cùng các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, GTGT và thuế bảo vệ môi trường) cùng mức trích lập cố định cho quỹ bình ổn giá và chi phí cũng như lợi nhuận định mức. Về kinh doanh xăng dầu, nguồn hàng duy nhất của Công ty là từ Petrolimex, kết quả phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành giá xăng dầu trong nước, cơ chế kinh doanh xăng dầu của Petrolimex cũng như những biến động của giá dầu thế giới.

## ❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Theo xu hướng toàn cầu hóa, Việt Nam tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực như AFTA, WTO, TPP. Đây vừa là động lực cho sự phát triển kinh tế nhưng cũng là thách thức do sự cạnh tranh sẽ gia tăng khi các hãng nước ngoài sẽ gia nhập thị trường Việt Nam ngày một nhiều hơn. Tuy nhiên, hiện nay, các công ty nước ngoài chưa được phép buôn bán cũng như phân phối các sản phẩm này do xăng dầu vẫn được xem là các mặt hàng loại trừ và sức ép cạnh tranh đến chủ yếu từ cạnh tranh thị trường trong nước. Thị trường kinh doanh xăng dầu Việt Nam hiện nay chịu sự kiểm soát của Nhà nước về phân phối thông qua 29 công ty đầu mỗi nhập khẩu xăng dầu. Ngoài ra, các sản phẩm xăng dầu được tiêu thụ thông qua 120 thương nhân phân phối xăng dầu và khoảng 14.000 cửa hàng xăng dầu trên toàn quốc, trong đó tại Hà Nội là gần 500 cửa hàng và Thành phố Hồ Chí Minh là khoảng 580 cửa hàng. Số lượng các cửa hàng xăng dầu dự kiến sẽ tăng lên 18.000 cửa hàng vào năm 2020 với 853 cửa hàng tại Hồ Chí Minh và 796 cửa hàng tại Hà Nội.

## ❖ **Rủi ro pháp luật**

Được thành lập theo Luật doanh nghiệp, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam. Trước đây hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thì hành không đầy đủ, thiếu tinh cập nhật và chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tình thực thì đôi khi chưa đạt hiệu quả cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn.

Kể từ khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan. Cho đến nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dẫn hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhịp với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017





# 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

## ❖ Các chỉ tiêu kinh doanh chính năm 2017

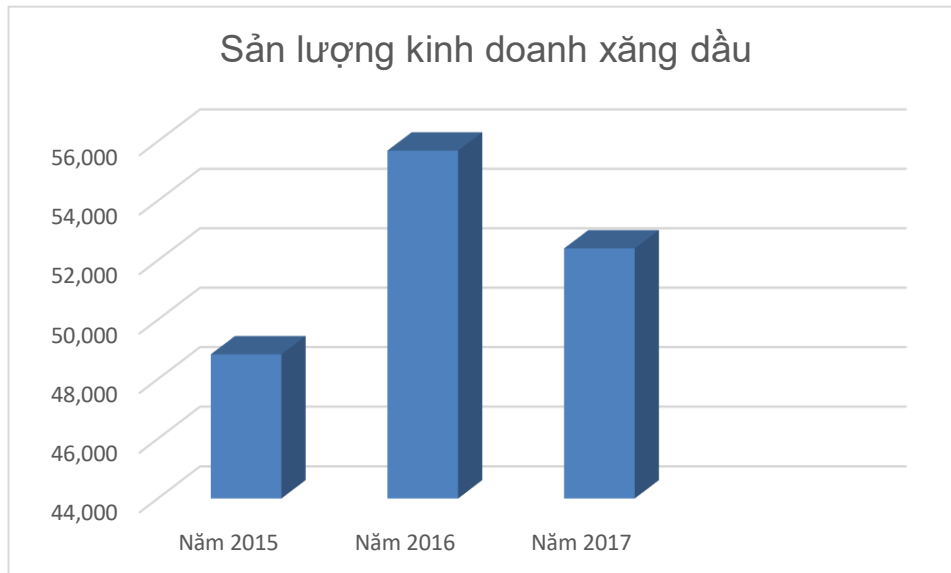
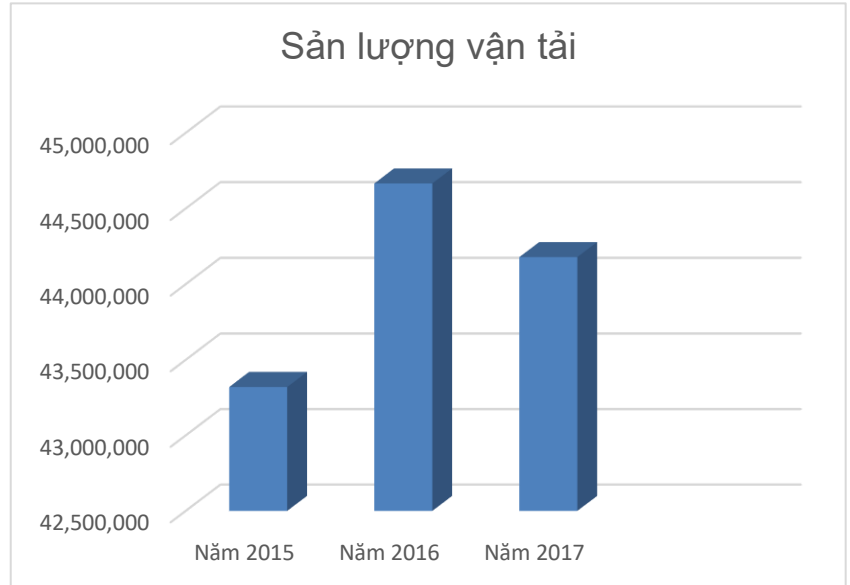
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	TH 2017	TH 2017 so với TH 2016
<b>1</b>	<b>Sản lượng thực hiện</b>					
	Sản lượng vận tải	m <sup>3</sup> km	43.320.559	44.665.412	44.178.910	98,91%
	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	m <sup>3</sup>	48.835	55.690	52.398	94,09%
<b>2</b>	<b>Cơ cấu doanh thu</b>					
	<b>Doanh thu bán hàng hóa</b>	Tr.đ	715.741	661.336	733.241	110,87%
-	Doanh thu bán xăng dầu	Tr.đ	700.662	646.506	722.045	111,68%
-	Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	Tr.đ	7.456	8.090	5.640	69,72%
-	Doanh thu bán hàng hóa khác	Tr.đ	7.623	6.739	5.555	82,43%
	<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	Tr.đ	82.010	80.407	84.296	104,84%
	Doanh thu vận tải bộ	Tr.đ	77.461	77.995	82.684	106,01%
-	Doanh thu dịch vụ hoạt động khác	Tr.đ	4.548	2.412	1.612	66,83%
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu hợp nhất</b>	Tr.đ	797.751	741.743	817.537	110,22%
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	Tr.đ	2.564	4.189	4.304	102,75%
<b>5</b>	<b>Tổng giá trị đầu tư</b>	Tr.đ	7.369	9.936	8.105	81,57%

Trong năm 2017, tập thể cán bộ, công nhân viên công ty đã rất cố gắng trong việc nâng cao sản lượng kinh doanh của mình, trong cả 2 lĩnh vực vận tải và kinh doanh xăng dầu, mức sản lượng so với năm 2016 lần lượt là 98,91% và 94,09%.

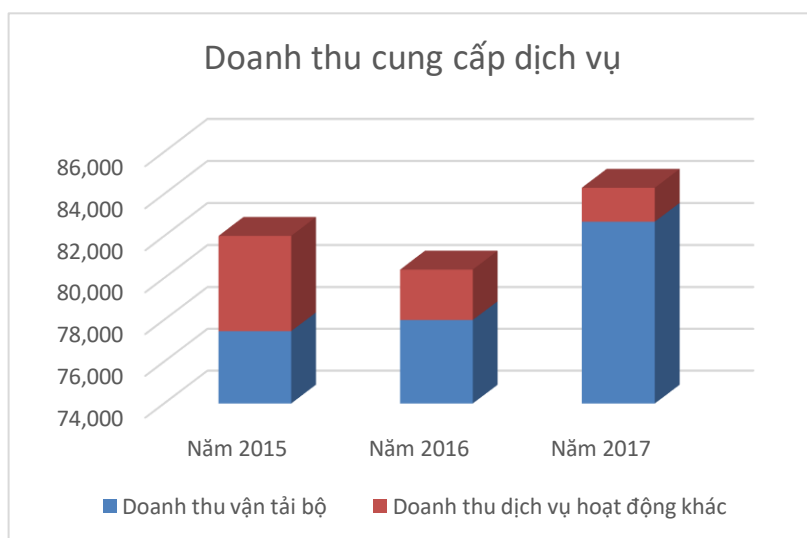
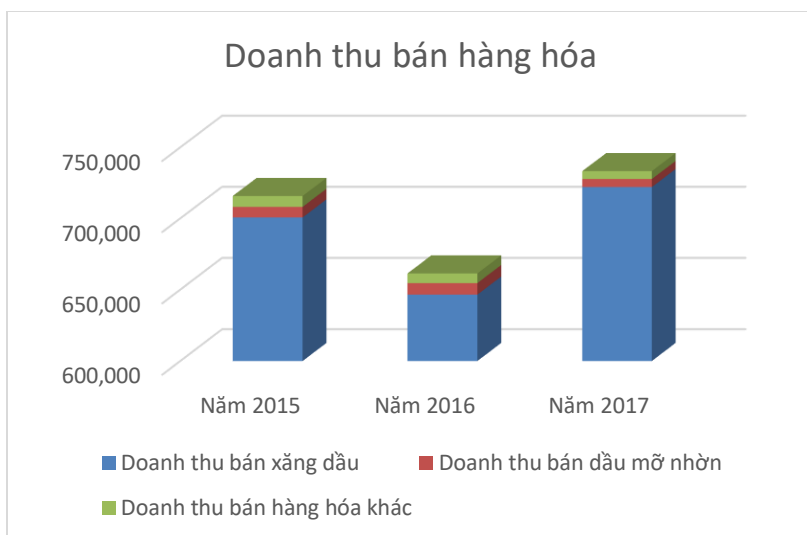
Nguyên nhân dẫn đến sản lượng kinh doanh xăng dầu bị giảm là do từ giữ tháng 09/2017, cửa hàng xăng dầu Cầu Bươu – Hà Nội hết thời hạn thuê và bị giải thể, cửa hàng này có sản lượng bán lẻ 350 m<sup>3</sup>/tháng. Sản lượng bán khác (bán buôn, nhượng quyền thương mại) trong năm 2017 bị giảm do mức lãi gộp/thù lao Công ty được hưởng

tại một số chu kỳ giá thấp hơn so với Công ty xăng dầu và các đơn vị đầu mối khác nên bị mất khách hàng.

Về sản lượng vận chuyển cho Công ty MTV Petrolimex Lào bị sụt giảm mạnh do vận chuyển cho các công trình bên Lào đã và sắp hoàn thành. Sản lượng vận chuyển xăng dầu địa bàn tỉnh Sơn La chiếm tỷ trọng trên 2/3 tổng sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình, trong năm 2017 tại địa bàn này phát triển thêm 16 cửa hàng đại lý, ảnh hưởng giảm sản lượng Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình (năm 2017 giảm 2%). Đây là những nguyên nhân dẫn đến tổng sản lượng vận tải trong năm 2017 giảm.



Mặc dù có sự sụt giảm về sản lượng thực hiện và ảnh hưởng của giá bán hàng hóa trên thị trường nhưng doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ đều tăng dẫn đến tổng doanh thu đạt 105,65% so với kế hoạch và tăng 110,22% so với năm 2016.



**❖ Các chỉ tiêu so với kế hoạch**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	TH 2017/KH 2017
<b>1</b>	<b>Sản lượng thực hiện</b>				
	Sản lượng vận tải	M <sup>3</sup> km	46.900.000	44.178.910	94,20%
	Sản lượng bán lẻ xăng dầu	M <sup>3</sup>	55.000	52.398	95,27%
<b>2</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	Tr.đ	773.837	817.536	105,65%
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	Tr.đ	3.800	5.346	140,68%
<b>4</b>	<b>Chia cổ tức</b>	%	12	15	125,00%
<b>5</b>	<b>Tổng giá trị đầu tư</b>	Tr.đ	21.430	8.105	37,82%

Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, tập thể người lao động trong công ty đã cố gắng kết sức để đạt được hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trong đó ấn tượng nhất là chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế vượt 40,68% so với kế hoạch.

Năm 2017 hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được kết quả hết sức khả quan trong điều kiện có những yếu tố thuận lợi như: Chính phủ vận hành đầy đủ Nghị định 83 và bám sát giá xăng dầu thế giới để điều hành thị trường xăng dầu trong nước. Trong năm đã có 24 kỳ điều chỉnh trong đó có 9 lần tăng giá; 8 lần giảm giá và 7 lần giữ nguyên. Với xu hướng tăng liên tục trong năm 2017 thì vào phiên điều chỉnh cuối cùng, giá xăng RON 92 đang cao hơn so với đầu năm 2016 khoảng 1.000 đồng/lít, xăng E5 cao hơn khoảng 600 đồng/lít, các mặt hàng dầu cao hơn khoảng trên dưới 1.000 đồng/lít. Công ty được hưởng mức lãi gộp và chênh lệch giá hàng tồn kho tại các thời điểm điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu cao hơn so với năm 2016.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi thì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu tác động bởi những khó khăn như: Thị trường xăng dầu có sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt do sự gia tăng mạnh mẽ của các thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối.

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1. Ông Vũ Quang Tuấn – Chủ tịch HĐQT

- Số CMND: 111301108 do Hà Nội cấp ngày 03/06/2009
- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1969
- Nơi sinh: Thanh Trì – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 11C12 Ngõ 2 đường Chiến Thắng, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán; Cử nhân Chính trị; Cử nhân Luật; Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Thương Mại.
- Quá trình công tác:



<b>1992 - 1996</b>	Chuyên viên Kế toán, Kho xăng dầu K133 – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
<b>1996 - 1997</b>	Phó trưởng phòng Kế toán, Xí nghiệp Xăng dầu K133 – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
<b>1997 - 1999</b>	Trưởng phòng Kế toán Tài chính, Xí nghiệp Xăng dầu K133 – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
<b>10/2000</b>	Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty PTS Hà Tây
<b>2000 - 2005</b>	Phó phòng KTTC, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
<b>2006 - 2011</b>	Trưởng phòng KTTC, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
<b>2012 - 2013</b>	Trưởng phòng Tổng hợp Ban Tài chính kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

<b>01/04/2013</b> -	Kiểm soát viên các công ty, Công ty khu vực 2, Tây Nam Bộ, Bà Rịa - Vũng Tàu và Nghệ An
<b>30/06/2014</b>	
<b>2014 - 2015</b>	Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình, Giám đốc Chi nhánh Xăng dầu Sơn La
<b>2016 - nay</b>	Chủ tịch Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty PTS Hà Tây

- Số lượng cổ phần sở hữu: 43.941, chiếm 2,4% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

## 2. Ông Lê Tự Cường - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Số CMND: 111439065 do Hà Nội cấp ngày 18/01/2010
- Ngày tháng năm sinh: 15/10/1969
- Nơi sinh: Ứng Hoà – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 28, LK 11, khu đô thị Văn Phú, Phường Văn La, Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:



**05/1992 - 12/1993** Nhân viên nghiệp vụ Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

<b>01/1994 - 12/1995</b>	Chuyên viên kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>01/1996 - 09/1996</b>	Phụ trách phòng KD XN XD K133 - CTXD Hà Sơn Bình
<b>10/1996 - 09/1999</b>	Trưởng phòng KD XN Xăng dầu K133 - CTXD Hà Sơn Bình
<b>10/1999 - 09/2000</b>	Trưởng phòng KD–XN Vận tải&Dịch vụ-CTXD Hà Sơn Bình
<b>10/2000 - 12/2006</b>	Ủy viên HĐQT – Trưởng phòng KD PTS Hà Tây
<b>01/2007 - 04/2012</b>	Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc PTS Hà Tây
<b>04/2012 - 09/2015</b>	Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
<b>10/2015 - 04/2016</b>	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
<b>04/2016 - nay</b>	Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 31.326 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,70% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### 3. Ông Nguyễn Tử Bình - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Số CMND:111439607 do CA Hà Tây cấp ngày 21/06/1996
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1971
- Nơi sinh: Hoa Lư – Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phú La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12



- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

<b>01/1995 - 12/1995</b>	Nhân viên cửa hàng DMN - Gas Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>01/1996 - 12/1999</b>	Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>01/2000 - 11/2000</b>	Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
<b>12/2000 - 12/2006</b>	Đội trưởng Vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
<b>04/2003</b>	Ủy viên BKS Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
<b>01/2007 - 12/2010</b>	Ủy viên BKS – Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
<b>01/2011 - nay</b>	Phó giám đốc công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ: 29.933 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,46% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



#### 4. Ông Nguyễn Tiến Cường - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Số CMND: 012962669 do Hà Nội cấp ngày 25/04/2007
- Ngày tháng năm sinh : 03/05/1973
- Nơi sinh: Thanh Ba – Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 9, tổ 9, phường Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:



**09/1997 - 05/2000** Nhân viên bán xăng dầu Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

**06/2000 - 03/2003** Đội phó Vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

**04/2003 - 07/2004** Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hoà Bình

**08/2004 - 12/2010** Ủy viên HĐQT – Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hoà Bình

**01/2011 - 05/2013** Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hoà Bình

**06/2013 - nay** Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 42.139 cổ phần (chiếm tỷ lệ 2,3% vốn điều lệ)

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### 5. Ông Bùi Trương Định – Thành viên HĐQT

- Số CMND: 017123352 do CA Hà Nội cấp ngày 26/12/2009
- Ngày tháng năm sinh: 30/8/1975
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 8, TT23, Khu đô thị Văn Phú, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:



<b>6/2001 - 3/2003</b>	Nhân viên Đội vận tải – Công ty PTS Hà Tây
<b>4/2003 - 12/2006</b>	Đội phó Đội Vận tải – Công ty PTS Hà Tây
<b>01/2007 - 12/2010</b>	Đội trưởng Đội Vận tải – Công ty PTS Hà Tây
<b>01/2011 – 03/2011</b>	Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty PTS Hà Tây
<b>03/2011 - 2017</b>	Thành viên BKS Công ty PTS Hà Tây
<b>04/2017 - nay</b>	Thành viên HĐQT Công ty PTS Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 83.122 cổ phần (chiếm tỷ lệ 4,5% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

## BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Ông Lê Tự Cường - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

Đã trình bày ở phần trên

### 2. Ông Nguyễn Tiến Cường - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Đã trình bày ở phần trên

### 3. Ông Nguyễn Tử Bình - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Đã trình bày ở phần trên

### 4. Ông Bùi Văn Thường – Phó Giám đốc

- Số CMND: 111639591 do Hà Nội cấp ngày 26/11/2007
- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1961
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Ngang, Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí nông nghiệp
- Quá trình công tác:



**05/1987 - 09/1992** Chuyên viên cơ khí, trạm máy kéo Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

**10/1992 - 12/1999** Chuyên viên phòng Quản lý Kỹ thuật, Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

**07/2000 - 09/2000** Chuyên viên Kỹ thuật, Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

**10/2000** Ủy viên Ban kiểm soát – Chuyên viên phòng Kinh doanh – Kỹ Thuật, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch

vụ Petrolimex Hà Tây

**11/2000 - 04/2002** Ủy viên Ban kiểm soát - Phó phòng Quản lý kỹ thuật,  
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà  
Tây

**05/2002 - 11/2013** Ủy viên Ban kiểm soát - Trưởng phòng Quản lý kỹ  
thuật, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex  
Hà Tây

**12/2013 - nay** Phó giám đốc, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ  
Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 10.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,62% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### **5. Bà Dương Tú Oanh – Phó Giám đốc**

- Số CMND: 111402373 do Hà Nội cấp
- Ngày tháng năm sinh: 12/11/1972
- Nơi sinh: Hà Đông – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 602, CT6 – XD, Văn Quán,  
Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:



<b>09/1993 – 12/1999</b>	Công nhân xăng dầu Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>01/2000 – 9/2000</b>	Chuyên viên kế toán Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>10/2000 – 07/2002</b>	Chuyên viên văn phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây
<b>08/2002 – 01/2006</b>	Chuyên viên phụ trách kinh doanh, kế toán chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
<b>02/2006 – 03/2007</b>	Phó Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
<b>04/2007 – nay</b>	Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
<b>12/2013 - nay</b>	Phó Giám đốc Công ty cổ phần vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 32.211 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,75% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

## 6. Bà Ngô Thị Vui – Kế toán trưởng

- Số CMND: 036173000003 do Cục CSQLHC về TTXH
- cấp ngày 06/11/2012
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1973
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 206 ngõ Văn Chương, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:



<b>01/1994 - 12/1999</b>	Nhân viên thống kê kế toán, Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>01/2000 - 09/2000</b>	Nhân viên KTTC, Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>10/2000 - 03/2007</b>	Chuyên viên phòng KTTC, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
<b>04/2007 - 04/2016</b>	Phó phòng kế toán tài chính, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
<b>05/2016 - nay</b>	Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ: 8.050 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,44% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

## BAN KIỂM SOÁT

### 1. Ông Chu Đức Hậu – Trưởng ban Kiểm soát

- Số CMND : 019174000001 do Hà Nội cấp ngày 28/9/2012
- Ngày tháng năm sinh: 20/10/1963
- Nơi sinh: Gia Phong – Gia Viễn – Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:



<b>04/1990 – 01/1995</b>	Chuyên viên kế toán – Xí nghiệp dầu lửa Đỗ Xá
<b>02/1995 – 03/1995</b>	Phó trưởng phòng kế toán Chi nhánh dầu lửa Đỗ Xá
<b>04/1995 – 12/1995</b>	Phó trưởng phòng kế toán tài chính – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>01/1996 – 7/1996</b>	Trưởng phòng kế toán tài chính Xí nghiệp xăng dầu K133 – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>07/1996 – 12/2005</b>	Phó trưởng phòng kế toán tài chính – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>01/2006 – 05/2006</b>	Phó phòng Quản lý kỹ thuật - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
<b>06/2006 – 03/2016</b>	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
<b>03/2016 – nay</b>	Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 920 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ)

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

## 2. Bà Trần Thị Nhung

- Số CMND: 001176003386 do CA Hà Nội cấp
- Ngày tháng năm sinh: 22/06/1976
- Nơi sinh: Xã Trung Tú, Huyện Ứng Hòa, Thành Phố Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 9 ngách 67/61, ngõ 67 đường Phùng Khoang, tổ dân phố 02, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán Thương mại
- Quá trình công tác:



**2011**

Nhân viên nghiệp vụ CHXD số 29 Tế Tiêu – Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

**2003**

Chuyên viên phòng kinh doanh – Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

**07/2015 - 2017**

Phó trưởng phòng kinh doanh – Công ty PTS Hà Tây

**2017 đến nay**

Thành viên Ban Kiểm Soát

- Số cổ phần nắm giữ : 3.105 cổ phần (chiếm tỷ lệ 017% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
-



### 3. Ông Ngô Ngọc Vĩnh – Thành viên ban Kiểm soát

- Số CMND: 011621179 do Hà Nội cấp ngày 15/9/2005
- Ngày tháng năm sinh : 13/10/1969 Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Ngang, Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:



**01/1987 – 03/1993** Công nhân xí nghiệp in – Tổng cục hậu cần

**04/1993 – 07/1993** Bảo vệ - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

**08/1993 – 06/1994** Đi học nghiệp vụ – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

**07/1994 – 04/1996** Công nhân xăng dầu - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

**05/1996 – 07/1996** Nhân viên bảo vệ – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

**08/1996 – 12/1999** Lái xe con - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

**01/2000 – 11/2002** Lái xe con - Công ty PTS Hà Tây

**12/2000 – 12/2004** Chuyên viên Phòng tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây

**01/2005 – 12/2006** Phó Phòng tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây

**01/2007 – nay** Trưởng phòng Tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây

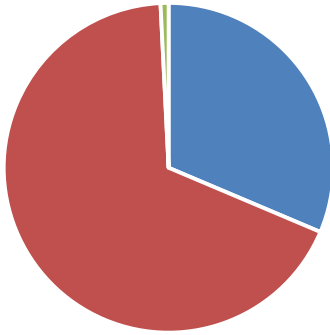
- Số cổ phần nắm giữ: 3.910 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ)

### 3. LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	80	31,4
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	173	67,8
3	Lao động phổ thông	02	0,8
<b>II</b>	<b>Theo hợp đồng lao động</b>		
1	Lao động toàn thời gian	255	100
2	Lao động bán thời gian		
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	175	68,6
2	Nữ	80	31,4
<b>Tổng cộng</b>		<b>255</b>	<b>100,0%</b>

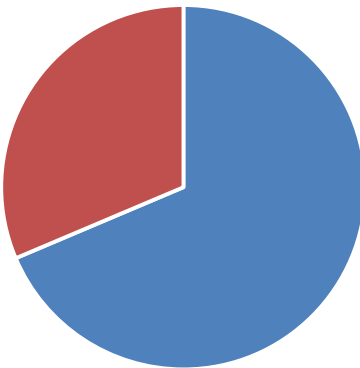


Trình độ lao động



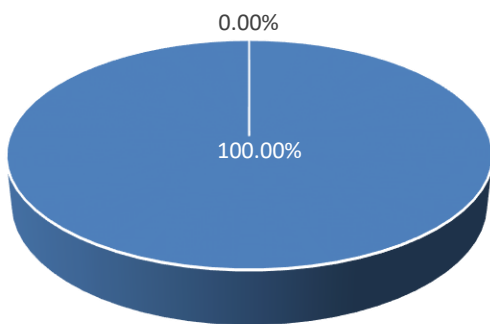
- Đại học và trên đại học
- Cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp
- Lao động phổ thông

Lao động theo giới tính



- Nam
- Nữ

Theo hợp đồng lao động



- Lao động toàn thời gian
- Lao động bán thời gian

## Chính sách đối với người lao động:

### 1. Chính sách chung:

- ❖ Tất cả cán bộ công nhân viên đều được ký hợp đồng lao động.
- ❖ Đối với nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty bố trí làm những công việc nhẹ nhàng hơn. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội.
- ❖ Điều kiện làm việc được đảm bảo, luôn nâng cao đời sống vật chất tinh thần, tạo động lực cho người lao động làm việc luôn gắn bó lâu dài với Công ty;

### 2. Chính sách đào tạo:

- ❖ Phát triển nguồn nhân lực có tính chất kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý.
- ❖ Công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho người lao động luôn được Công ty chú trọng và triển khai thường xuyên vì đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của Công ty.
- ❖ Hàng năm cử cán bộ tham gia các khóa học và các lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.
- ❖ Tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động Công ty tham gia các lớp học để nâng cao trình độ nếu có nguyện vọng.
- ❖ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi
- ❖ Năm 2017 Công ty thực hiện trích quỹ tiền lương, thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- ❖ Thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể và các chế độ chính sách khác theo thỏa ước lao động tập thể.

## 4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

STT	Hạng mục đầu tư	Khối lượng	KH 2017 (trđ)	TH 2017 (trđ)	TH/KH
<b>A</b>	<b>Đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư</b>		<b>21.340</b>	<b>8.105</b>	<b>38%</b>
1	Xe ô tô Xitec	03 xe	9.200	7.555	82%
	Trong đó: Xe Huyndai 26m3	03 xe	4.600	3.775	82%
3	Cột bơm xăng dầu	03 cột	230	550	239%
4	Cửa hàng xăng dầu	01 cửa hàng	12.000	0	0%
<b>B</b>	<b>Các hạng mục sửa chữa lớn đầu tư bằng nguồn chi phí</b>			1.795	
1	Sửa chữa, cải tạo CHXD			1.565	
2	Cải tạo nhà làm việc, nhà để xe			371	

Các hạng mục đầu tư của công ty trong năm 2017 chủ yếu là đầu tư mua thêm cột bơm xăng dầu, xe ô tô Xitec để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện việc sửa chữa cải tạo cơ sản xuất, làm việc tạo môi trường an toàn, thuận lợi cho người lao động tập trung làm việc. Công ty có đặt ra kế hoạch mở thêm một cửa hàng xăng dầu, tuy nhiên, trong năm 2017 đã không thực hiện được.

## 5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### ❖ Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	+/- %
1	Tổng giá trị tài sản	85.310	93.485	100.230	7,22%
2	Doanh thu thuần	797.751	741.743	817.536	10,22%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.236	5.128	5.572	8,66%
4	Lợi nhuận trước thuế	3.370	5.254	5.346	1,75%
5	Lợi nhuận sau thuế	2.564	4.189	4.306	2,79%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2017 là 102.230 triệu đồng, tăng so với năm 2016 là 6.745 triệu đồng. Trong đó:

- Tài sản dài hạn tăng 2,6% so với năm 2016 do Công ty đầu tư mới tài sản cố định chủ yếu là mua mới xe ô tô xitec thay thế các xe hết niên hạn sử dụng và mua thêm cột bơm xăng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 8,94% so với năm 2016 và khoản dài hạn phải thu tăng 35,36%.
- Hàng tồn kho giảm 13,98% so với năm 2016.

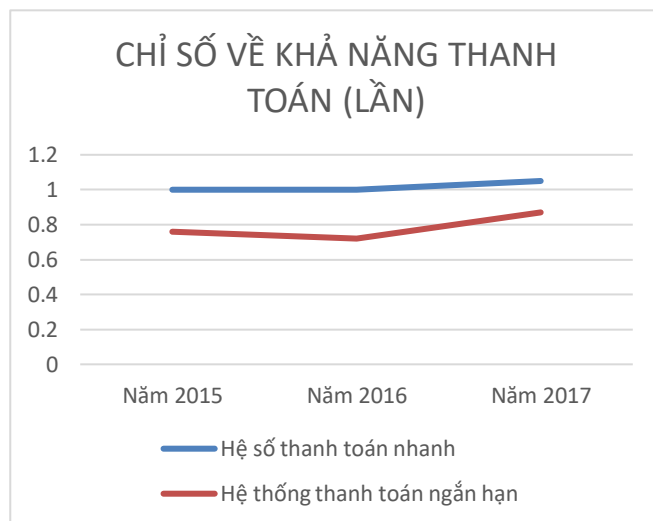
### ❖ Một số chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	lần	1,00	1,00	1,05
- Hệ số thanh toán nhanh (=(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	lần	0,76	0,72	0,87
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,66	0,67	0,66
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,91	2,02	1,93
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				

- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	vòng	147,6	114,1	128,5
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	9,4	7,93	8,16
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,32	0,56	0,53
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	8,7	13,5	12,6
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	3,0	4,5	4,3
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	0,4	0,7	0,7

### **Khả năng thanh toán**

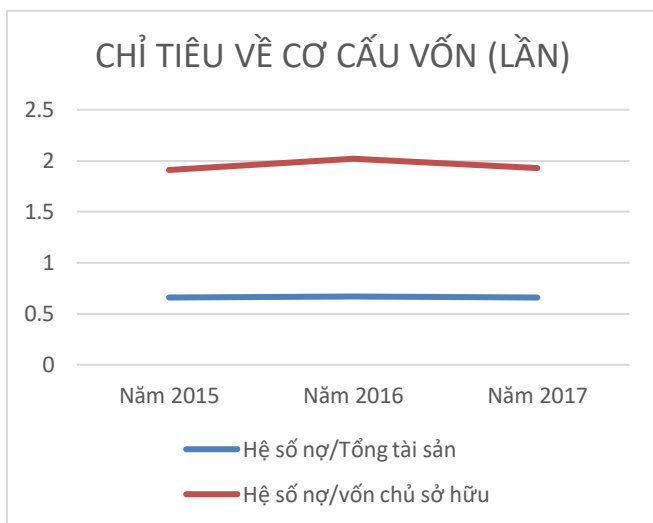
Trong 2 năm 2016 và 2017, hệ số về khả năng thanh toán của công ty không có sự biến động lớn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn của cả 2 năm đều sắp xỉ bằng 1, cho thấy công ty đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn, nhờ đó công ty đã tận dụng được tối đa hiệu quả của vốn, đồng thời vẫn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của mình.



Hệ số thanh toán nhanh của công ty tăng từ 0,72 năm 2016 lên 0,87 năm 2017. Theo lý thuyết, chỉ số thanh toán nhanh thể hiện việc công ty sử dụng các khoản tài sản ngắn hạn ngoại trừ hàng tồn kho, bởi đây là loại tài sản ngắn hạn có khả năng thanh khoản kém hơn so với các loại tài sản ngắn hạn khác, để thanh lý các khoản nợ đến hạn. Nếu hệ số này nhỏ hơn 1 thì thông thường các công ty sẽ gặp khó khăn khi phải thanh toán các khoản nợ của mình tuy nhiên, do đặc thù của công ty là kinh doanh xăng dầu, là một mặt hàng thiết yếu, có nhu cầu cao trên thị trường nên so với các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh doanh khác thì hàng

tồn kho của công ty cũng có khả năng thanh khoản cao hơn, nên đây cũng không phải là vấn đề quá lớn.

### Cơ cấu vốn



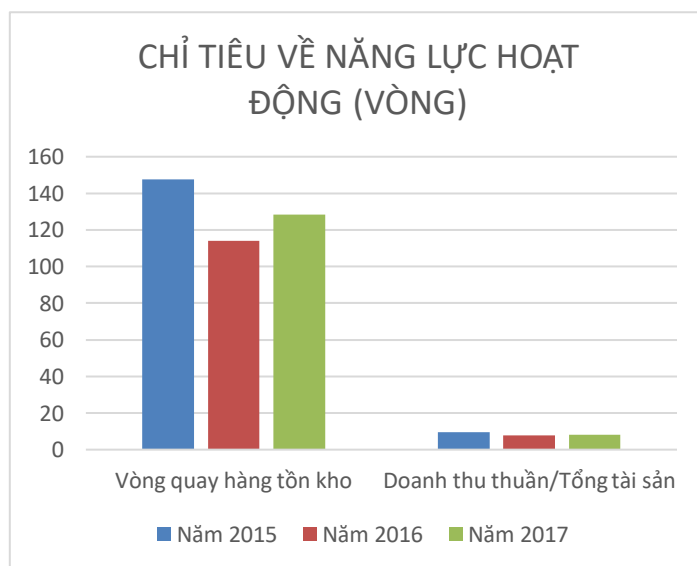
Cơ cấu vốn của công ty khá ổn định trong 2 năm trở lại đây. Hệ số nợ/Tổng tài sản đều ở mức 0,67 – 0,66 và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu xấp xỉ ở mức 2 cho thấy công ty sử dụng chủ yếu là nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của mình. Tuy nhiên, do công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại (kinh doanh xăng dầu) và

cung cấp dịch vụ, chính vì vậy, việc sử dụng nhiều nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh cũng là điều phổ biến.

### Năng lực hoạt động

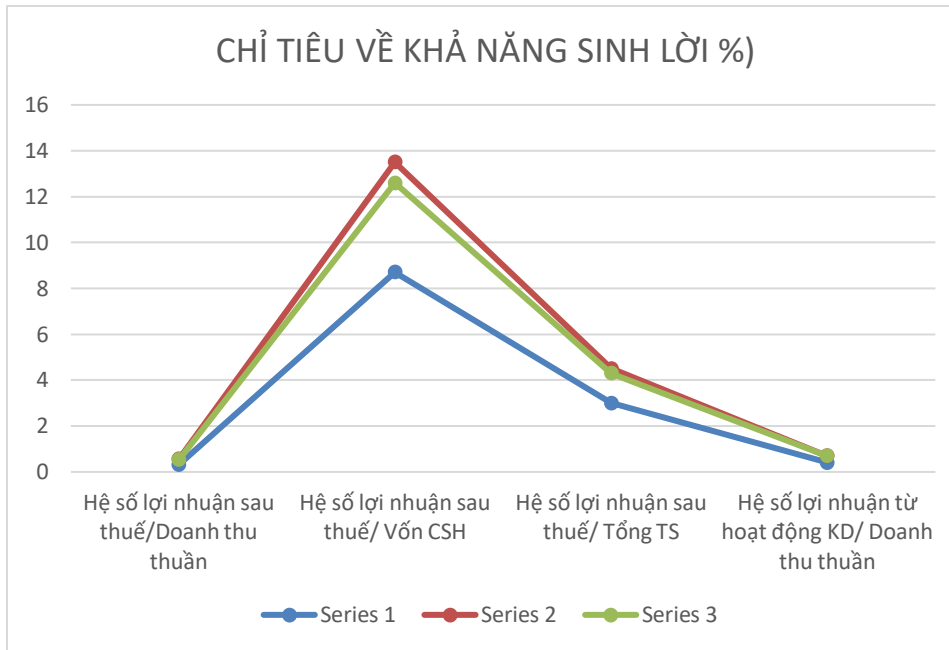
Vòng quay HTK tăng từ 114,1 vòng lên 128,5 vòng trong 2 năm 2016 – 2017. Điều này cho thấy rằng tốc độ quay vòng của hàng hóa trong kho của công ty được đẩy nhanh hơn. Hàng tồn kho cuối kỳ cũng giảm so với số lượng hàng tồn kho đầu kỳ.

Hiệu quả của việc sử dụng tài sản vào các hoạt động sản xuất kinh doanh



được nâng cao hơn khi tỷ lệ doanh Thu Thuần/Tổng TS của doanh nghiệp tăng so với năm 2016.

### **Khả năng sinh lời**



Các chỉ số về khả năng sinh lời của công ty trong năm 2017 có sự giảm nhẹ so với năm 2016. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ tăng nhẹ so với năm 2016 do

các chỉ tiêu về sản lượng bị thụt giảm so với năm trước.



## 6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

❖ **Cổ phần:** Tính đến hết ngày 31/12/2017, Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây đã phát hành 1.839.975 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 1.839.975 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 1.839.975 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

### Cơ cấu cổ đông của công ty

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	938.400	9.384.000.000	51	01
2	Cổ đông nhỏ	901.575	9.015.750.000	49	
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>				
1	Cổ đông trong nước	1.839.975	18.399.750.000	100	189
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Cổ phiếu quỹ	0			
	<b>Tổng</b>	<b>1.839.975</b>	<b>18.399.750.000</b>	<b>100</b>	
1	Cổ đông tổ chức	938.400	9.384.000.000	51	01
2	Cổ đông cá nhân	901.575	9.015.750.000	49	189
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>1.839.975</b>	<b>18.399.750.000</b>	<b>100</b>	

### ❖ *Danh sách cổ đông lớn*

Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
<b>Tổng công ty Dịch vụ Xăng đầu Petrolimex</b>	Số 229 Tây Sơn - Ngã Tư Sở - Đống Đa - Hà Nội	938.400	51%

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



## 1. Đặc điểm môi trường kinh doanh 2017

Tình hình kinh tế thế giới: Năm 2017 là một năm nền kinh tế có nhiều dấu hiệu tích cực. Sau khi tăng trưởng cao hơn dự đoán, nền kinh tế thế giới có khả năng sẽ duy trì được đà hiện nay và đạt mức tăng 3% trong cả năm 2018. Trước hết, sự tăng trưởng khởi sắc trong năm 2017 phần nào là nhờ một loạt sự kiện đặc biệt như việc bình ổn giá năng lượng và hàng hóa, lòng tin kinh doanh được cải thiện dựa trên hy vọng vào các cuộc cải cách thuế và kích thích tài chính của chính quyền mới ở Mỹ, sự phục hồi mang tính chu kỳ ở châu Âu, và chính sách kích thích tăng trưởng của Trung Quốc. Song khả năng đẩy nhanh được mức tăng trưởng còn bị hạn chế và tốc độ tăng trưởng có thể chậm lại vào cuối thập niên này, kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng chậm lại trong năm 2018. Những điều này hứa hẹn đặt ra những thách thức với nền kinh tế toàn cầu để đạt được tốc độ tăng trưởng trong dài hạn.

Tình hình kinh tế Việt Nam: Nhìn chung năm 2017, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản có sự cải thiện so với năm 2016, với tốc độ tăng trưởng của GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (đã loại trừ yếu tố giá) và tổng vốn đầu tư toàn xã hội đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Cho thấy kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, việc tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh nhất trong các chỉ tiêu lại cho thấy hiệu quả đầu tư thấp và chưa bền vững.

Năm 2017 hoạt động SXKD của Công ty cũng đạt được kết quả khả quan trong điều kiện có những yếu tố thuận lợi như: Chính phủ vận hành đầy đủ Nghị định 83 và bám sát giá xăng dầu thế giới để điều hành thị trường xăng dầu trong nước. Trong năm đã có 24 lần điều chỉnh giá xăng dầu, Công ty được hưởng mức lãi gộp và chênh lệch giá hàng tồn kho tại các thời điểm điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu cao hơn so với năm 2016.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi thì hoạt động SXKD của Công ty cũng chịu tác động bởi những khó khăn như: Thị trường xăng dầu có sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt do sự gia tăng mạnh mẽ của các thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối, tính đến hết năm 2017 cả nước có 29 công ty đầu mối nhập khẩu xăng dầu. Ngoài ra, các sản phẩm xăng dầu được tiêu thụ thông qua 120 thương nhân phân phối xăng dầu và khoảng 14.000 cửa hàng xăng dầu trên toàn quốc, trong đó tại Hà Nội là gần 500 cửa hàng và Thành phố Hồ Chí Minh là khoảng 580 cửa hàng.

Tuy nhiên với việc triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp ngay từ đầu năm, hoạt động KDXD bám sát diễn biến thị trường và cơ chế điều tiết lãi gộp của Tập đoàn, cùng

với sự nỗ lực cố gắng vượt bậc của Công ty và các đơn vị, kết quả đạt được của Công ty năm 2017 hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

## 2. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2017

### Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2017	2016	Chênh lệch	
			Số tiền	%
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	35.509.789.490	30.509.789.490	5.000.000.000	16,39%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	9.595.826.835	1.483.076.079	8.112.750.756	547,02%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	18.921.586.015	20.779.543.284	(1.857.957.269)	-8,94%
IV. Hàng tồn kho	5.936.626.115	6.891.617.336	(954.991.221)	-13,86%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.166.092.127	1.355.552.791	(189.460.664)	-13,98%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	64.609.802.664	62.974.848.812	1.634.953.852	2,60%
I. Các khoản phải thu dài hạn	44.174.000	32.634.000	11.540.000	35,36%
II. Tài sản cố định	59.485.981.550	58.827.968.443	658.013.107	1,12%
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.013.319.689		1.013.319.689	0,00%
V. Tài sản dài hạn khác	4.066.327.425	4.114.246.369	(47.918.944)	-1,16%
<b>Tổng cộng tài sản</b>	100.229.933.756	93.484.638.302	6.745.295.454	7,22%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2017 là 100.230 triệu đồng, tăng so với năm 2016 là 6.746 triệu đồng. Trong đó:

- Tài sản dài hạn tăng 26% so với năm 2016 do Công ty đầu tư mới tài sản cố định: mua mới xe ô tô xitec thay thế các xe hết niên hạn sử dụng, đầu tư xây dựng mới nhà kho lưu trữ và cột bơm xăng dầu.
- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 9% so với năm 2016, không có công nợ dầy dụa khó đòi hoặc mất khả năng thanh toán.

- Hàng tồn kho tăng giảm 14% so với năm 2016.

### Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Số tiền	%
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	33.969.240.335	30.683.955.955	3.285.284.380	10,71%
1. Phải trả cho người bán	10.448.128.678	2.524.837.994	7.923.290.684	313,81%
2. Người mua trả tiền trước	354.348.981	1.151.816.379	(797.467.398)	-69,24%
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	801.320.440	1.424.446.046	(623.125.606)	-43,75%
9. Phải trả ngắn hạn khác	38.812.354	52.762.254	(13.949.900)	-26,44%
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.446.876.890	24.004.349.022	(2.557.472.132)	-10,65%
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	1.069.727.289	(1.069.727.289)	-100,00%
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	834.976.992	334.741.062	500.235.930	149,44%
<b>II. Nợ dài hạn</b>	32.040.120.277	31.893.942.159	146.178.118	0,46%

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31.12.2017 là 66.009 triệu đồng (Vay ngắn hạn ngân hàng 16 tỷ đồng, CBCNV 5,4 tỷ đồng, lái xe ký cược 12,9 tỷ đồng, lái xe góp vốn đầu tư xe ô tô sitec 19,1 tỷ đồng, phải trả người bán & người mua trả tiền trước 10.8 tỷ đồng, phải nộp NSNN 0,8 tỷ đồng, phải trả khác 1 tỷ đồng) tăng 5% so với năm 2016. Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn tăng 7,9 tỷ đồng.

Công ty đã rất nỗ lực trong công tác điều hành tài chính, đáp ứng kịp thời dòng tiền để phục vụ công tác kinh doanh xăng dầu, không để dư nợ vượt quá định mức.

### **3. Nhìn lại những thành tựu, tiến bộ của Công ty năm 2017**

Có được những thành quả này là nhờ vào sự quyết tâm, đồng lòng của cả Bộ máy lãnh đạo cũng như toàn thể CBCNV của Công ty. Điều này được thể hiện qua những điểm nổi bật sau:

- ❖ Ban hành hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty phù hợp với các quy định của Nhà Nước, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex và tình hình thực tiễn của công ty.
- ❖ Thực hiện cơ chế khoán sản phẩm đối với từng loại hình kinh doanh trên cơ sở rà soát các định mức, chi phí hợp lý nhằm tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- ❖ Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, chi phí cải tạo sửa chữa, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.
- ❖ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra sát sao công tác an toàn kỹ thuật, an toàn PCCC, BVMT và an toàn VSLĐ. Nâng cao ý thức trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật, nội quy quy chế và của công ty, bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2018**

#### **4.1. Chỉ tiêu kế hoạch 2018**

Tình hình kinh doanh năm 2018 của Công ty chịu áp lực khó khăn do Cửa hàng xăng dầu Cầu Bươu hết thời hạn thuê phải giải thể từ quý 4/2017, Hội đồng quản trị Công ty có quyết định chấm dứt hoạt động của chi nhánh PTS Hà Nội từ 01/01/2018; một số cửa hàng khác phải chịu mức giá thuê mới tăng theo thị trường; các yếu tố thuận lợi như năm 2017 (đặc biệt là yếu tố chênh lệch giá hàng tồn kho do điều chỉnh tăng giá bán lẻ xăng dầu) sẽ không còn nhiều.

Thị trường xăng dầu tiếp tục được vận hành theo Nghị định 83 của Chính phủ; hoạt động kinh doanh xăng dầu sẽ tiếp tục gia tăng mức độ cạnh tranh khi số lượng đầu mối nhập khẩu và thương nhân phân phối tăng nhanh.

Hoạt động vận tải: Sản lượng vận chuyển xăng dầu địa bàn tỉnh Sơn La chiếm tỷ trọng trên 2/3 tổng sản lượng vận chuyển cho Công ty XD Hà Sơn Bình, năm 2017 phát triển thêm 16 cửa hàng đại lý, ảnh hưởng giảm sản lượng Công ty XD Hà Sơn Bình (năm 2017 giảm 2%). Dự báo sản lượng vận chuyển trên địa bàn Sơn La không tăng hoặc tăng trưởng rất thấp.

Năm 2018, Công ty có cơ hội mở rộng và phát triển thêm thị trường vận tải xăng dầu Tổng công ty giao (Hà Nam Ninh, Thanh Hóa), vận chuyển hàng từ nhà máy lọc dầu Nghi Sơn dự kiến sẽ cung cấp nguồn từ quý 4/2018.

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	% TH 2017
1	Sản lượng thực hiện:			
	- Sản lượng vận tải	M <sup>3</sup> km	46.000.000	104,12%
	- Sản lượng bán Xăng dầu	M <sup>3</sup>	51.000	97,33%
	<i>Trong đó: Bán lẻ Xăng dầu</i>	M <sup>3</sup>	24.000	90,24%
	<i>Bán khác (Buôn, đại lý, nhượng quyền thương mại)</i>	M <sup>3</sup>	27.000	102,18%
2	Doanh thu thuần	Tr.đ		
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.350	100,07%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	14%	93,33%
5	Tổng giá trị đầu tư			
	- Đầu tư mới: 03 xe ô tô sitec; - Đầu tư xây dựng mới: 01 cửa hàng xăng dầu	Tr.đ	16.590	204,69%

## 4.2. Giải pháp thực hiện

- ❖ Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD; tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, công tác an toàn tiền hàng, công tác bảo đảm an ninh, an toàn giao thông, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.
- ❖ Xây dựng phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty (dự kiến tăng 10 tỷ đồng) để đáp ứng nhu cầu đầu tư mới CHXD và phương tiện vận tải nếu được Tổng công ty giao thêm thị trường vận tải mới.
- ❖ Công tác kinh doanh:
  - Chủ động, linh hoạt, nhạy bén thích ứng với biến động của thị trường và cơ chế kinh doanh để đạt được mục tiêu kinh doanh; nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua tiết giảm chi phí và sử dụng nguồn lực hợp lý.
  - Tổ chức tốt công tác vận tải xăng dầu bảo đảm nguồn cho các đơn vị được Tập đoàn giao nhiệm vụ, khai thác thêm nhu cầu vận tải ngoài nhiệm vụ.
  - Kinh doanh xăng dầu các đơn vị cần phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động bám sát thị trường; tổ chức tốt công tác lập đơn hàng và bảo đảm nguồn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
  - Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ Ngành, với chỉ tiêu sản lượng bán 2018 tăng trưởng tối thiểu 15% so với 2017.
  - Tiếp tục áp dụng cơ chế khoán sản phẩm đối với từng loại hình kinh doanh trên cơ sở rà soát các định mức, chi phí hợp lý để tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- ❖ Tiếp tục triển khai toàn bộ các cửa hàng của công ty thực hiện đầy đủ nhận diện thương hiệu 100% theo tiêu chuẩn của Tập đoàn, triển khai 5S tại cửa hàng xăng dầu theo hướng dẫn của Tổng công ty; triển khai hệ thống POS để phục vụ thanh toán thẻ Flexicard tại một số cửa hàng có lợi thế thương mại nhằm tri ân và thu hút khách hàng.
- ❖ Công tác tài chính: Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, bảo đảm an toàn tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.



- ❖ Rà soát để bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty phù hợp với các quy định mới của nhà nước, Tập đoàn và Tổng công ty.
- ❖ Tiền lương tiếp tục được xác định gắn với NSLĐ và hiệu quả; thực hiện nguyên tắc NSLĐ tăng thì tiền lương tăng, NSLĐ giảm thì tiền lương giảm.
- ❖ Công tác đầu tư: Tiếp tục đầu tư đổi mới nâng cao chất lượng phương tiện vận tải và thay thế dần các xe đã quá cũ/sắp hết niên hạn sử dụng; ưu tiên tập trung đầu tư, phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu dưới các hình thức xây dựng mới, thuê cửa hàng.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



## 1. Đánh giá tổng quan

### ❖ Thuận lợi:

- Năm 2017, kinh tế thế giới đang đồng loạt khởi sắc, kinh tế Việt Nam tăng trưởng ở mức cao và nền tảng là kinh tế vĩ mô đang dần được cải thiện;
- Hoạt động vận tải xăng dầu của Công ty được duy trì ổn định theo sự phân công thị trường vận chuyển và giá cước của Tập đoàn (Giữ nguyên như các năm trước đây).
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu thực hiện theo Nghị định 83/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế kinh doanh xăng dầu của Tập đoàn, Tổng công ty. Mức thù lao bán lẻ xăng dầu được duy trì ổn định, bù đắp được chi phí và có lợi nhuận. Công ty đã tận dụng tốt cơ hội để có được lợi nhuận chênh lệch giá hàng tồn kho do tăng giá xăng dầu và hạn chế thấp nhất lỗ do giảm giá xăng dầu. Do có sự định hướng, chỉ đạo điều hành sâu sát của HĐQT nên kinh doanh xăng dầu năm 2017 đạt hiệu quả cao.

### ❖ Khó khăn:

- CHXD Cầu Bươu – Hà Nội có sản lượng bán lẻ 350 m<sup>3</sup>/tháng hết thời hạn thuê bị giải thể từ giữa tháng 9/2017.
- Sản lượng bán khác (bán buôn, nhượng quyền thương mại) năm 2017 giảm do mức lãi gộp/thù lao Công ty PTS được hưởng tại một số chu kỳ giá thấp hơn so với Công ty xăng dầu và các đơn vị đầu mối khác nên bị mất khách hàng.
- Sản lượng vận chuyển cho Petrolimex Lào bị sụt giảm mạnh do Công ty vận chuyển cho các công trình bên Lào đã và sắp hoàn thành.

Trước tình hình đó, HĐQT đã tích cực, chủ động đưa ra nhiều giải pháp hữu hiệu, đồng bộ và tăng cường chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, để hoàn thành toản diỒn các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đōng giao.

## 2. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2017, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã đưa ra và triển khai nhiều giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 06 phiên để quyết định các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ. Một số công việc chính như sau:

- Rà soát, phân công lại nhiệm vụ hợp lý, cụ thể, rõ ràng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, có quy định, cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ đã phân công từng thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý Công ty.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác trình Đại hội đồng cổ đông 2017 thông qua.
- Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 cho các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý và năm 2017.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty phù hợp với việc trả cổ tức năm 2016 tăng vốn điều lệ Công ty.
- Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật, của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty. Xây dựng được hệ thống quản trị nội bộ, đáp ứng mục tiêu minh bạch, kịp thời thông tin với cổ đông và nhà đầu tư.
- Quyết định đầu tư 03 xe ô tô xitec với tổng trị giá 7.555 triệu đồng để thay thế các xe hết niên hạn sử dụng theo quy định của Nhà nước.

- Chỉ đạo công tác đầu tư cải tạo, sửa chữa nâng cấp, tăng cường dấu hiệu nhận diện thương hiệu Petrolimex, tạo thuận lợi, lợi thế thương mại để gia tăng sản lượng bán lẻ các CHXD.
- Chỉ đạo, định hướng tăng cường công tác tiếp thị, gia tăng sản lượng, phát triển thị phần, đặc biệt là sản lượng bán lẻ xăng dầu; tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ hàng hóa khác ngoài xăng dầu.
- Chỉ đạo tập trung nguồn lực giữ các cửa hàng xăng dầu công ty đang thuê và tăng cường công tác phát triển đầu tư xây dựng mới của hàng xăng dầu đáp ứng yêu cầu phát triển đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của công ty; đề ra mục tiêu phấn đấu trong nhiệm kỳ Hội đồng quản trị (2017-2022) đầu tư xây dựng mới được 3 cửa hàng xăng dầu.
- Quyết định phê duyệt phương án thành lập Phòng nghiệp vụ công ty (Thành lập Phòng kinh doanh vận tải và Phòng thương mại trên cơ sở tách ra từ Phòng kinh doanh công ty); phê duyệt phương án tổ chức quản lý, điều hành phương tiện vận tải của công ty.
- Quyết định chấm dứt hoạt động Chi nhánh PTS Hà Nội để tinh giản bộ máy quản lý của công ty.
- Ban hành Nghị quyết về việc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh (Theo văn bản số 018/PTC-HĐTV của Tổng công ty PTC).
- Tổ chức và/phối hợp tổ chức hội nghị sơ kết 6 tháng, hội nghị tổng kết năm 2017.
- Rà soát, chỉ đạo, định hướng công tác xây dựng kế hoạch và giao kế hoạch năm 2018.
- Chuẩn bị nội dung và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

### 3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Điều hành, các cán bộ quản lý Công ty để đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng định hướng, tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban Tổng giám đốc định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành hoạt động Công ty. Từ đó Hội đồng quản trị phối hợp với Ban Tổng giám đốc đề ra các giải pháp tháo gỡ và khắc phục khó khăn trong hoạt động Công ty.

Các chỉ đạo của Hội đồng quản trị được thực hiện bằng các Nghị quyết và Quyết định. Hàng quý, trên cơ sở báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2017 của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị đã họp, ban hành Nghị quyết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đề ra và xây dựng chương trình công tác thời gian tiếp theo.

Tổng giám đốc đã tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng

quản trị, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Công ty; chủ động bám sát các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để có giải pháp trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Công ty.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Tổng giám đốc đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng trong Ban điều hành và định kỳ hàng tháng tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trong tháng, đồng thời giao kế hoạch công việc tháng tiếp theo; ban hành và thực hiện các quy định về kinh doanh nhằm kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các cán bộ quản lý cấp trung; áp dụng đồng bộ các giải pháp trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty như: Kinh doanh thương mại, dịch vụ, đầu tư, quản trị tài chính, nhân sự..., trong đó công tác trọng tâm tập trung triển khai nhiều giải pháp để mở rộng kinh doanh, giữ vững thị phần, tìm kiếm các mặt hàng mới, tiết giảm chi phí đảm bảo kinh doanh bảo toàn vốn, kiểm soát

công nợ và thực hành tiết kiệm chống lãng phí; chú trọng công tác thị trường và chăm sóc khách hàng, hoạt động kinh doanh có hiệu quả tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

#### **4. Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2018**

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị Công ty, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Công ty hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, an toàn, duy trì sự ổn định, phát triển bền vững của Công ty trong năm 2018 và các năm tiếp theo. Quá trình thực hiện sẽ tập trung vào các vấn đề lớn sau:

- ❖ Chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, khách hàng, tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ, giảm giá thành vận tải, gia tăng sản lượng, năng suất lao động và đẩy mạnh phát triển kinh doanh hàng hóa khác.
- ❖ Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, công nợ để tăng năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- ❖ Tiếp tục đầu tư thay thế dần phương tiện vận tải đã quá cũ/và sắp hết niên hạn sử dụng theo quy định của Nhà Nước, không đầu tư dàn trải vụ đảm bảo hiệu quả đầu tư.
- ❖ Tiếp tục hoàn thiện thủ tục hành chính xin dự án quá để đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.
- ❖ Tiếp tục tăng cường công tác đảm bảo an toàn mọi mặt hoạt động của Công ty.

# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY





## 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

### *Thành viên hội đồng quản trị*

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Vũ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	43.941	2,4%
2	Lê Tự Cường	Thành viên HĐQT	31.326	1,7%
3	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên HĐQT	42.139	2,3%
4	Nguyễn Tử Bình	Thành viên HĐQT	26.933	1,46%
5	Bùi Trung Định	Thành viên HĐQT	83.122	4,5%

### *Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị: Không có Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2017*

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Vũ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	06	100%
2	Lê Tự Cường	Thành viên HĐQT	06	100%
3	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên HĐQT	06	100%
4	Nguyễn Tử Bình	Thành viên HĐQT	06	100%
5	Bùi Trung Định	Thành viên HĐQT	06	100%

Năm 2017, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. Hội đồng quản trị đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của công ty để đề ra và triển khai các Nghị quyết. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 06 phiên để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của công ty. Một số công việc chính:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và năm 2017.
- Ban hành hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của công ty. Xây dựng được hệ thống quản trị nội bộ, đáp ứng mục tiêu minh bạch, kịp thời thông tin với cổ đông và nhà đầu tư.
- Chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành theo chủ trương, định hướng của Tập đoàn theo thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

***Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm:***

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày	Nội dung
1	115/QĐ-HĐQT	23/1/2017	Phê duyệt chủ trương xây dựng CHXD
2	116/QĐ-HĐQT	15/2/2017	Cử người đại diện vốn tại PTS Hà Tây

3	117/QĐ-HĐQT	23/2/2017	Cử cán bộ đi học lớp Cao cấp chính trị
4	118/QĐ-HĐQT	22/2/2017	Ban hành Quy chế PCCC của Công ty
5	119/QĐ-HĐQT	31/3/2017	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị
6	120/NQ-HĐQT	31/3/2017	NQ Bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty
7	121/NQ-HĐQT	31/3/2017	NQ Bổ nhiệm lại phó giám đốc Công ty
8	123/QĐ-HĐQT	4/4/2017	QĐ Bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty
9	124/QĐ-HĐQT	4/4/2017	Phê duyệt kế hoạch năm 2017
10	125/QĐ-HĐQT	4/4/2017	QĐ Bổ nhiệm lại Phó giám đốc Công ty
11	01/QĐ-HĐQT	17/4/2017	Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016
12	02/QĐ-HĐQT	24/4/2017	Phân phối quỹ thưởng Người quản lý năm 2016
13	03/QĐ-HĐQT	28/4/2017	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT
14	04/QĐ-HĐQT	28/4/2017	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS
15	05/QĐ-HĐQT	05/5/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư xe ô tô sitec
16	06/QĐ-HĐQT	22/5/2017	Thành lập Ban nghiên cứu thành lập phòng NV
17	07/QĐ-HĐQT	22/5/2017	Thành lập Ban nghiên cứu công tác tổ chức hoạt động vận tải
18	08/QĐ-HĐQT	29/5/2017	Ban hành quy chế trả lương, thù lao tại Công ty
19	09/QĐ-HĐQT	30/5/2017	Điều chỉnh kế hoạch năm 2017

20	10/QĐ-HĐQT	02/6/2017	Đăng ký giao dịch bổ sung cp trên SGDCK HN
21	11/QĐ-HĐQT	26/6/2017	Sửa đổi Điều lệ Công ty
22	12/QĐ-HĐQT	11/7/2017	Phê duyệt quyết toán đầu tư xe ô tô sitec
23	13/QĐ-HĐQT	17/8/2017	Cử cán bộ đi học lớp cao cấp chính trị
24	14/NQ-HĐQT	07/9/2017	Chuyển toàn bộ CHXD thuộc chi nhánh PTS Hà Nội về Công ty trực tiếp quản lý
25	15/NQ-HĐQT	07/9/2017	Phê duyệt phương án giải thể Phòng KD, thành lập mới 2 phòng NV
26	16/QĐ-HĐQT	13/11/2017	Ban hành Quy chế trả lương, thù lao, thưởng Người quản lý
27	17/NQ-HĐQT	15/12/2017	Thực hiện nhiệm vụ kinh doanh
28	18/NQ-HĐQT	20/12/2017	NQ chấm dứt hoạt động chi nhánh PTS Hà Nội
29	19/QĐ-HĐQT	20/12/2017	QĐ chấm dứt hoạt động chi nhánh PTS Hà Nội

**Hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị độc lập:** Năm 2017, trong HĐQT của Công ty có 02 Thành viên HĐQT độc lập là Ông Vũ Quang Tuấn và ông Bùi Trung Định

## 2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

### *Thành viên Ban kiểm soát*

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Chu Đức Hậu	Trưởng BKS	920	0,05%
2	Trần Thị Nhung	Thành viên BKS	3.105	0,17%
3	Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên BKS	3.910	0,21%

### *Hoạt động của Ban kiểm soát*

Trong năm 2017 Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó, cụ thể Ban kiểm soát đã thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

- Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị – Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban giám đốc trong năm 2017, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng, năm của Công ty; xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.
- Họp Ban Kiểm soát mỗi quý 01 lần (không kể các cuộc họp bất thường). nhằm xem xét, đánh giá các hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Các công việc khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

### 3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2016

#### *Thù lao HĐQT và Ban Giám đốc*

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Vũ Quang Tuấn	Chủ tịch	96.970.000		96.970.000
2	Lê Tự Cường	Thành viên		474.754.000	474.754.000
3	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên		377.447.000	377.447.000
4	Nguyễn Tử Bình	Thành viên		390.552.000	390.552.000
5	Bùi Trung Định	Thành viên		338.171.282	338.171.282
	<b>Cộng</b>		<b>96.970.000</b>	<b>1.580.924.000</b>	<b>1.677.894.000</b>

#### *Thù lao Ban Kiểm soát*

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Chu Đức Hậu	Trưởng Ban		366.572.000	366.572.000
2	Trần Thị Nhung	Thành viên		216.118.325	216.118.325
3	Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên		325.848.281	325.848.281
	<b>Cộng</b>				

## 4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Tên người nội bộ/người liên quan	Chức vụ		Hình thức	Số lượng	Ngày	Số CP trước GD	Số CP sau GD	Tỷ lệ sau GD
	Quan hệ	Chức vụ						
Nguyễn Tử Bình		UV HĐQT	Mua	4.200	09/01/2017 10/01/2017	19.220	23.420	1,27%
Nguyễn Tiến Cường		UV HĐQT	Mua	6.800	25/7/2017	35.339	42.139	2,29%
Lê Thị Hoàng Yến	Vợ		Mua	4.890	07/4/2017 10/4/2017	3.200	8.090	0,44%

## 5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của Công ty, một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





## 1. Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ năng lượng năm 2017	Đơn vị tính	Lượng tiêu thụ
Tiêu thụ điện	kW	159.300
Tiêu thụ xăng dầu	m <sup>3</sup>	1.950
Tiêu thụ nước	m <sup>3</sup>	1.560

### Tiêu thụ nhiên liệu

Tổng lượng nhiên liệu năm 2017 Công ty tiêu thụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh vận tải xăng dầu là 1.950 m<sup>3</sup>. Công ty không sử dụng nguyên liệu tái chế. Việc đầu tư mới phương tiện vận tải hiện đại thay thế các phương tiện vận tải cũ lạc hậu đã giúp Công ty tiết kiệm chi phí đặc biệt là chi phí nhiên liệu.

### Tiêu thụ điện năng

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là chiếu sáng tại các kho bãi và sử dụng trong sinh hoạt của bộ phận hành chính – văn phòng.

Tổng mức tiêu thụ năng lượng điện của Công ty năm 2017 là 159.300 kW. Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng: Thay thế toàn bộ bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn huỳnh quang, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết, ... Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

### Tiêu thụ nước

Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước vào mục đích sinh hoạt cũng như vệ sinh container, kho bãi. Trong năm 2017, công ty sử dụng tổng cộng 1.560 m<sup>3</sup> nước.

Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

- **Xây dựng hồ sơ pháp lý trong công tác môi trường**

- Thực hiện đăng ký Đề án bảo vệ môi trường
- Lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
- Xây dựng khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại
- Phân công Trạm y tế Công ty theo dõi thường xuyên công tác bảo vệ môi trường
- Đang thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước...

- **Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, định kỳ**

- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 02 lần/ năm
- Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp
- Định kỳ tổ chức vệ sinh kho bãi, nạo vét hệ thống thoát nước... đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan tại công ty
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại nếu có
- Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến công tác môi trường theo đúng quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý
- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất
- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn chủ động thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Ví dụ như: bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm tiếng ồn khi vận hành, vệ sinh bãi để giảm bụi...

## 2. Chính sách liên quan đến người lao động

### ❖ Số lượng lao động ,mức lương trung bình đối với người lao động

STT	Phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Mức lương trung bình (Đồng/người/tháng)
<b>1</b>	<b>Theo giới tính:</b>		<b>100</b>	
	- Nam	175	68,6	
	- Nữ	80	31,4	
<b>2</b>	<b>Theo hợp đồng lao động:</b>	<b>255</b>	<b>100</b>	
	- Theo thời gian (ban kíp)	255	100	8,730,000
	- Theo khoán sản phẩm	0	0%	0
<b>3</b>	<b>Theo trình độ:</b>		<b>100%</b>	
	- Đại học trở lên	80	31,4	
	- Cao đẳng, trung cấp	173	67,8	
	- Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	02	0,8	

### ❖ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

#### • **Đảm bảo sức khỏe và an toàn cho CBCNV:**

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN.
- Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ít nhất 01 lần/ năm
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật lao động
- Cung cấp nước sạch tại nơi làm việc, trang bị bảo hộ lao động và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động như định kỳ kiểm định máy, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...

- **Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV**

- Đảm bảo mức thu nhập ổn định cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách lương - thưởng phù hợp và minh bạch.
- Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV thông qua các hoạt động văn hóa – thể thao, các chương trình tham quan, du lịch,...
- Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo,...
- Khuyến khích con em của CBCNV thi đua học tập bằng các phần quà ý nghĩa nhân các dịp tết thiếu nhi và Trung Thu.

- **Đảm bảo bình đẳng giới**

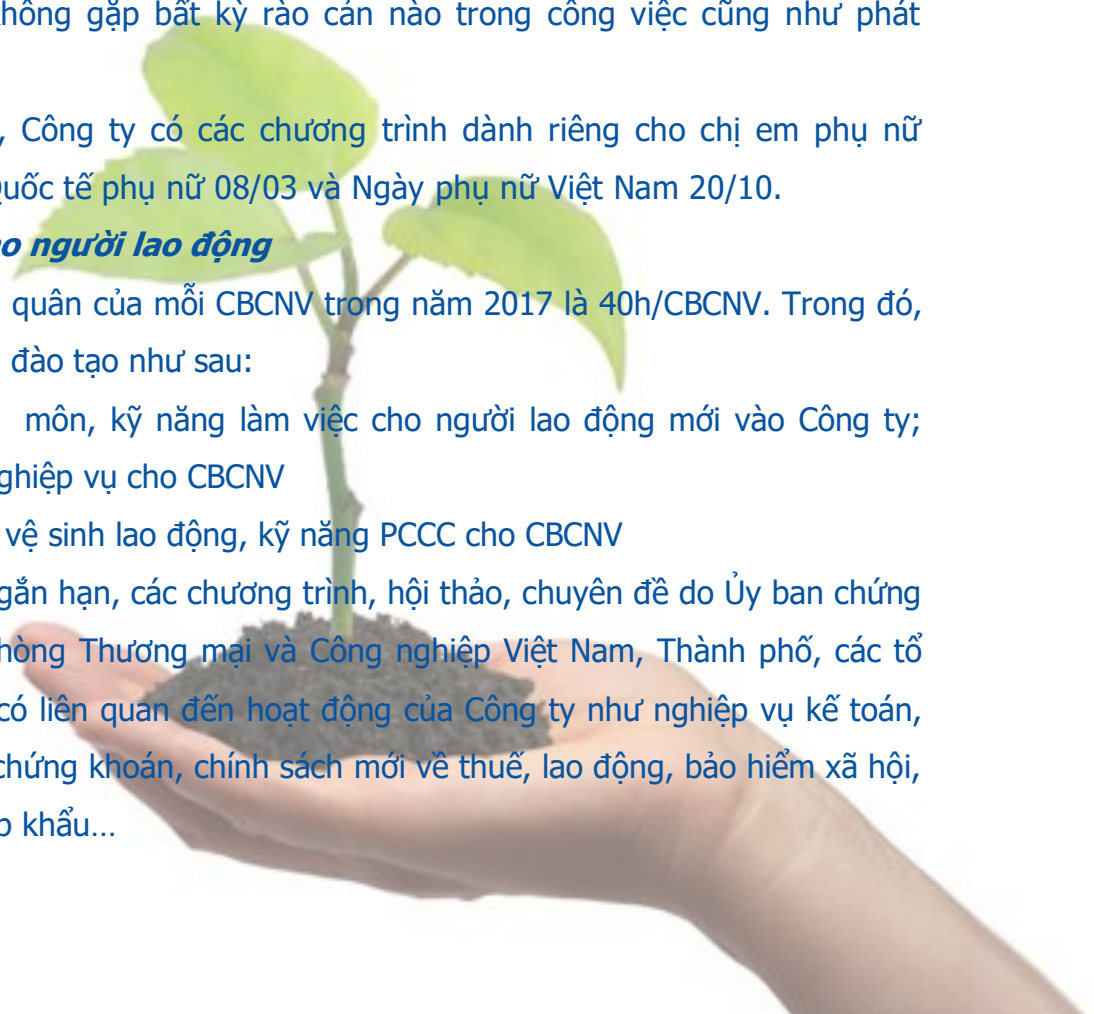
Công ty cũng chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.
- Thực hiện đúng các chế độ đối với lao động nữ theo quy định của pháp luật
- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp.
- Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

- ❖ **Hoạt động đào tạo người lao động**

Số giờ đào tạo bình quân của mỗi CBCNV trong năm 2017 là 40h/CBCNV. Trong đó, có các chương trình đào tạo như sau:

- Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động mới vào Công ty; đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV
- Đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, kỹ năng PCCC cho CBCNV
- Các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình, hội thảo, chuyên đề do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Thành phố, các tổ chức khác tổ chức có liên quan đến hoạt động của Công ty như nghiệp vụ kế toán, chế độ báo cáo về chứng khoán, chính sách mới về thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ xuất nhập khẩu...



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34
Phụ lục I - Bảng Tổng hợp giao dịch các bên liên quan	35 - 38

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 07 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX HATAY TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PTS HATAY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Tự Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên
Ông Bùi Quốc Hoài	Ủy viên (Đến ngày 31/3/2017)
Ông Nguyễn Tử Bình	Ủy viên
Ông Bùi Trung Định	Ủy viên (Từ ngày 31/03/2017)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Tự Cường	Giám đốc
Ông Nguyễn Tử Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
Bà Dương Tú Oanh	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Thường	Phó Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**Lê Tự Cường**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Số: 132/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017  
của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

1012215131

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



\_\_\_\_\_  
**Vũ Ngọc Ân**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

\_\_\_\_\_  
**Bùi Thị Thúy**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT*  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens  
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01- DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>35.620.131.092</b>	<b>30.509.789.490</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>9.595.826.835</b>	<b>1.483.076.079</b>
1. Tiền	111		9.595.826.835	1.483.076.079
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.921.586.015</b>	<b>20.779.543.284</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.547.431.285	12.633.130.220
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	3.515.852.557	7.750.037.704
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	858.302.173	396.375.360
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.936.626.115</b>	<b>6.891.617.336</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	5.936.626.115	6.891.617.336
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.166.092.127</b>	<b>1.355.552.791</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.141.546.105	1.355.552.791
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.546.022	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>64.609.802.664</b>	<b>62.974.848.812</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>44.174.000</b>	<b>32.634.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	44.174.000	32.634.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>59.485.981.550</b>	<b>58.827.968.443</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	58.072.226.774	57.372.844.127
- Nguyên giá	222		113.693.053.499	109.232.355.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.620.826.725)	(51.859.511.162)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.413.754.776	1.455.124.316
- Nguyên giá	228		1.871.985.537	1.871.985.537
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(458.230.761)	(416.861.221)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.013.319.689</b>	<b>-</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.013.319.689	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.066.327.425</b>	<b>4.114.246.369</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	4.066.327.425	4.114.246.369
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>100.229.933.756</b>	<b>93.484.638.302</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>66.009.360.612</b>	<b>62.577.898.154</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.969.240.335</b>	<b>30.683.955.995</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	10.448.128.678	2.524.837.994
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	354.348.981	1.151.816.379
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	801.320.440	1.424.446.046
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		44.776.000	121.275.949
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	38.812.354	52.762.254
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	21.446.876.890	24.004.349.022
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.069.727.289
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		834.976.992	334.741.062
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.040.120.277</b>	<b>31.893.942.159</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	32.040.120.277	31.893.942.159
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>34.220.573.144</b>	<b>30.906.740.148</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>34.220.573.144</b>	<b>30.906.740.148</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.399.750.000	16.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.399.750.000	16.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.051.082.000	1.051.082.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.465.846.218	9.665.846.218
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.303.894.926	4.189.811.930
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		250.000	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.303.644.926	4.189.811.930
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>100.229.933.756</b>	<b>93.484.638.302</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Xuân Vũ




Ngô Thị Vui



Lê Tự Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	817.536.574.958	741.743.387.052
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		817.536.574.958	741.743.387.052
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	762.633.755.617	682.121.610.732
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		54.902.819.341	59.621.776.320
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	19.065.961	31.354.704
7. Chi phí tài chính	22	5.18	2.062.010.802	1.886.636.895
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.040.958.820	1.866.014.626
8. Chi phí bán hàng	24	5.19	28.235.329.584	31.904.980.609
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	19.052.635.694	20.733.883.950
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		5.571.909.222	5.127.629.570
11. Thu nhập khác	31		352.735.691	143.592.762
12. Chi phí khác	32		578.145.633	16.363.636
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.20	(225.409.942)	127.229.126
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.346.499.280	5.254.858.696
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	1.042.854.354	1.065.046.766
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.303.644.926	4.189.811.930
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	2.500	2.000

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Lê Tự Cường

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.346.499.280	5.254.858.696
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	7.447.395.985	6.882.443.537
- Các khoản dự phòng	03	(1.069.727.289)	867.410.468
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(354.827.208)	(150.090.686)
- Chi phí lãi vay	06	2.040.958.820	1.866.014.626
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.410.299.588	14.720.636.641
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.846.417.269	(2.318.822.784)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	954.991.221	(1.821.893.081)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.504.244.284	2.317.718.672
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	261.925.630	(401.203.023)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.040.958.820)	(1.866.014.626)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.297.103.591)	(872.521.753)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.977.950.683	200.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.196.961.492)	(2.282.777.207)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.420.804.772	7.675.122.839
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.105.409.092)	(9.937.463.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	342.999.999	139.090.909
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.827.209	10.999.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.750.581.884)	(9.787.372.404)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.399.750.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	90.697.189.004	76.148.183.432
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(93.254.661.136)	(72.060.526.973)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.399.750.000)	(1.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.557.472.132)	2.487.656.459
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	8.112.750.756	375.406.894
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.483.076.079	1.107.669.185
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	9.595.826.835	1.483.076.079

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Lê Tự Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09 - DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 07 năm 2017. Vốn điều lệ của Công ty là 18.399.750.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX HATAY TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PTS HATAY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	938.400	9.834.000.000	51%
Các cổ đông khác	901.575	9.015.750.000	49%
<b>Tổng</b>	<b>1.839.975</b>	<b>18.399.750.000</b>	<b>100%</b>

Số lao động bình quân trong năm 2017: 255 người.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Tổng đại lý bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải xăng dầu, vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn sơn, vecni;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: kinh doanh bất động sản
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: dịch vụ kho vận, bãi đỗ xe;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: dịch vụ ăn uống;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư, thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu.

Hoạt động chính của Công ty năm 2017 là: Kinh doanh và vận tải xăng dầu.



**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016.

a. Nguyên tắc kế toán

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: là chi phí san lấp giải phóng mặt bằng.  
Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm tự động hoá và phần mềm quản lý các cửa hàng xăng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là từ 30 đến 50 năm.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm máy tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 04 - 07 năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Tiền thuê các cửa hàng xăng dầu được phân bổ theo thời gian thuê theo từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê đất phải trả: trích trước theo thông báo tiền thuê đất đợt 1
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích với số tiền là 800.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 989.811.930 đồng từ lợi nhuận sau thuế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là vận tải, kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	783.039.944	283.920.412
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.812.786.891	1.199.155.667
<b>Tổng</b>	<b>9.595.826.835</b>	<b>1.483.076.079</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>14.547.431.285</b>	<b>12.633.130.220</b>
Công ty TNHH Thương Mại Mai Dương	-	152.063.875
Công ty Cổ Phần Thái Quang Anh	1.071.118.690	-
Công ty TNHH Xăng Dầu Hồng Phát	-	836.617.832
Công ty TNHH MTV Thương Mại	693.984.530	714.221.134
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Hưng	-	461.930.112
Công ty TNHH MTV Thương	221.669.520	858.226.120
Các đối tượng khác	12.560.658.545	9.610.071.147
<b><i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>4.702.051.851</i></b>	<b><i>3.647.900.068</i></b>
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	2.802.461.859	1.611.607.806
Công ty Xăng dầu Điện Biên	1.870.895.266	1.645.842.309
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	-	374.797.451
Công ty Bảo hiểm PJICO Thăng Long	9.642.176	15.652.502
Công ty Xăng dầu Lào Cai	19.052.550	-
<b>Tổng</b>	<b>14.547.431.285</b>	<b>12.633.130.220</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán	3.515.852.557	7.750.037.704
<b>Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>2.923.016.181</b>	<b>6.913.052.727</b>
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình (VP Công ty)	-	6.818.147.398
Công ty Xăng Dầu Hà Sơn Bình (CN Hòa Bình)	-	94.905.329
Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu (PTC)	2.923.016.181	-
	<b>3.515.852.557</b>	<b>7.750.037.704</b>

**5.4 Phải thu khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	858.302.173	-	396.375.360	-
Tạm ứng	491.000.000	-	212.000.000	-
Phải thu thuế TNCN	30.322.915	-	82.490.207	-
Phải thu khác	336.979.258	-	101.885.153	-
b) Dài hạn	44.174.000	-	32.634.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	44.174.000	-	32.634.000	-
<b>Tổng</b>	<b>902.476.173</b>	<b>-</b>	<b>429.009.360</b>	<b>-</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	351.642.113	-	354.169.274	-
Công cụ, dụng cụ	69.814.000	-	95.499.000	-
Hàng hoá	5.515.170.002	-	6.441.949.062	-
<b>Tổng</b>	<b>5.936.626.115</b>	<b>-</b>	<b>6.891.617.336</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2017	13.601.884.439	3.784.670.088	91.479.730.398	366.070.364	109.232.355.289
Tăng trong năm	-	550.400.000	7.555.009.092	-	8.105.409.092
Mua trong năm	-	550.400.000	7.555.009.092	-	8.105.409.092
Giảm trong năm	-	-	3.606.301.882	38.409.000	3.644.710.882
Thanh lý	-	-	3.606.301.882	38.409.000	3.644.710.882
Số dư tại 31/12/2017	13.601.884.439	4.335.070.088	95.428.437.608	327.661.364	113.693.053.499
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2017	9.779.491.826	2.819.881.390	39.025.549.307	234.588.639	51.859.511.162
Tăng trong năm	872.888.369	322.392.273	6.155.176.483	55.569.320	7.406.026.445
Khấu hao trong năm	872.888.369	322.392.273	6.155.176.483	55.569.320	7.406.026.445
Giảm trong năm	-	-	3.606.301.882	38.409.000	3.644.710.882
Thanh lý	-	-	3.606.301.882	38.409.000	3.644.710.882
Số dư tại 31/12/2017	10.652.380.195	3.142.273.663	41.574.423.908	251.748.959	55.620.826.725
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2017	3.822.392.613	964.788.698	52.454.181.091	131.481.725	57.372.844.127
Tại 31/12/2017	2.949.504.244	1.192.796.425	53.854.013.700	75.912.405	58.072.226.774

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 24.246.836.917 đồng (tại ngày 31/12/2016: 21.576.343.729 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình mang đi cầm cố thế chấp các hợp đồng vay tại ngày 31/12/2017 là 23.452.196.209 đồng (tại ngày 31/12/2016: 18.406.631.489 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2017	1.744.485.537	127.500.000	1.871.985.537
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	1.744.485.537	127.500.000	1.871.985.537
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2017	295.388.021	121.473.200	416.861.221
Tăng trong năm	35.342.740	6.026.800	41.369.540
Khấu hao trong năm	35.342.740	6.026.800	41.369.540
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	330.730.761	127.500.000	458.230.761
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2017	1.449.097.516	6.026.800	1.455.124.316
Tại 31/12/2017	1.413.754.776	-	1.413.754.776

Quyền sử dụng đất gồm:

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 02432QSD/HT ngày 21/7/2004 với diện tích 6.657,7 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất là 30 năm (từ 12/09/2002 đến 12/09/2032), mục đích sử dụng: Kinh doanh xăng dầu tại Xã Đồng Mai, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 02433QSD/HT ngày 21/7/2004 với diện tích 9.819,72m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất là 50 năm (từ 31/12/2003 đến 31/12/2053), mục đích sử dụng: Kinh doanh xăng dầu tại Xã Đồng Mai, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây.

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.141.546.105	1.355.552.791
- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	1.075.730.059	1.260.458.333
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	65.816.046	95.094.458
b) Dài hạn	4.066.327.425	4.114.246.369
- Chi phí trả trước về thuê cửa hàng	3.593.560.604	3.865.297.727
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	465.700.468	248.948.642
- Chi phí khác	7.066.353	-
<b>Tổng</b>	<b>5.207.873.530</b>	<b>5.469.799.160</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>10.448.128.678</b>	<b>10.448.128.678</b>	<b>2.524.837.994</b>	<b>2.524.837.994</b>
<i>Công ty TNHH Xây dựng Hoa Dương</i>	99.462.897	99.462.897	964.608.000	964.608.000
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	10.348.665.781	10.348.665.781	1.560.229.994	1.560.229.994
<b>Trong đó:</b>				
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>9.730.818.011</b>	<b>9.730.818.011</b>	<b>794.329.096</b>	<b>794.329.096</b>
<i>Công ty Xăng dầu Khu vực I</i>	-	-	730.869.596	730.869.596
<i>Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu (PTC)</i>	9.635.031.659	9.635.031.659	-	-
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>	95.786.352	95.786.352	63.459.500	63.459.500
<b>Tổng</b>	<b>10.448.128.678</b>	<b>10.448.128.678</b>	<b>2.524.837.994</b>	<b>2.524.837.994</b>

**5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Vạn Xuân	-	909.604.874
Các đối tượng khác	354.348.981	242.211.505
<b>Tổng</b>	<b>354.348.981</b>	<b>1.151.816.379</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	1.157.299.533	5.065.041.996	5.751.142.016	471.199.513
Thuế thu nhập doanh nghiệp	252.672.687	1.351.285.256	1.297.103.591	306.854.352
Thuế thu nhập cá nhân	14.473.826	382.796.371	374.003.622	23.266.575
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	566.142.140	566.142.140	-
Các loại thuế khác	-	18.803.985	18.803.985	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	240.516.364	240.516.364	-
<b>Tổng</b>	<b>1.424.446.046</b>	<b>7.624.586.112</b>	<b>8.247.711.718</b>	<b>801.320.440</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.12 Các khoản phải trả, phải nộp**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	38.812.354	52.762.254
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.812.354	52.762.254
b) Dài hạn	32.040.120.277	31.893.942.159
Nhận tiền đặt cọc của lái xe có tính lãi suất {1}	12.948.326.263	14.041.070.629
Phải trả tiền góp vốn, liên kết mua xe {2}	19.091.794.014	17.852.871.530
<b>Tổng</b>	<b>32.078.932.631</b>	<b>31.946.704.413</b>

(1): Khoản nhận tiền đặt cọc của lái xe có tính lãi suất:

Theo các hợp đồng đã ký kết giữa bên ký cược (Bên A) và nhận ký cược (Bên B), số tiền ký cược được thỏa thuận theo từng hợp đồng ký cược, mức lãi suất theo bên B quy định (có thể thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với mức lãi suất huy động của ngân hàng Nhà nước) theo số tiền ký cược và thời gian ký cược. Mỗi quý tính lãi 1 lần, nếu bên A không rút lãi thì số tiền lãi đó bên B sẽ tự động lũy kế vào số tiền ký cược của bên A và được tính lãi cho các kỳ tiếp theo.

(2): Khoản nhận tiền góp vốn, liên kết mua xe:

Theo các Hợp đồng góp vốn đầu tư xe ô tô đã ký kết giữa các bên: bên A - Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây và bên B - Các đối tượng góp vốn, tỷ lệ góp: mỗi bên góp 50% giá trị, bên A: có trách nhiệm tổ chức quản lý điều hành, quyết định điều động xe đáp ứng yêu cầu vận chuyển xăng dầu của bên A và thanh toán các khoản chi phí, chế độ, quyền lợi và trả tiền khấu hao xe theo tỷ lệ góp vốn 50% cho bên B theo đơn giá vận tải khoán quy định của Công ty (bên A). Khi chấm dứt hợp đồng, tài sản xe ô tô sẽ được định giá theo giá thị trường: bên B được hưởng 50% giá trị tài sản sau khi trừ đi các khoản: Thuế GTGT, thuế TNDN, các khoản chi phí phát sinh khác (nếu có). Nếu tài sản được nhượng bán với giá thấp hơn giá trị còn lại theo sổ sách kế toán thì bên A được quyền nhận đủ số vốn góp còn lại của bên A.

10/10  
37  
44  
0  
11  
10/10

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Trong năm				Giá trị	Khả năng trả nợ
	31/12/2017	01/01/2017	Tăng	Giảm		
Vay ngắn hạn	21.446.876.890	21.446.876.890	90.697.189.004	93.254.661.136	24.004.349.022	24.004.349.022
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở Giao dịch Đống Đa Hà Nội	16.000.000.000	16.000.000.000	73.000.000.000	77.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Các cá nhân	5.446.876.890	5.446.876.890	9.697.189.004	8.254.661.136	4.004.349.022	4.004.349.022
<b>Tổng</b>	<b>21.446.876.890</b>	<b>21.446.876.890</b>	<b>90.697.189.004</b>	<b>93.254.661.136</b>	<b>24.004.349.022</b>	<b>24.004.349.022</b>

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng số 77609.17.002.1355194.TD ngày 18/04/2017; hạn mức vay 25 tỷ đồng; lãi suất trong hạn được xác định căn cứ trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ với Công ty và quyết định về lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi suất của từng khoản vay sẽ được khế ước nhận nợ của khoản vay đó. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm.

Vay cá nhân theo các hợp đồng vay, lãi vay 0,54%/ tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÀU B 09 - DN

**5.14 Vốn chủ sở hữu**

**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>9.665.846.218</b>	<b>2.564.092.505</b>	<b>29.281.020.723</b>
Tăng trong năm	-	-	-	4.189.811.930	4.189.811.930
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	4.189.811.930	4.189.811.930
Giảm trong năm	-	-	-	2.564.092.505	2.564.092.505
Trích lập các quỹ	-	-	-	964.092.505	964.092.505
Chi có tức	-	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>9.665.846.218</b>	<b>4.189.811.930</b>	<b>30.906.740.148</b>
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>9.665.846.218</b>	<b>4.189.811.930</b>	<b>30.906.740.148</b>
Tăng trong năm	2.399.750.000	-	800.000.000	4.303.644.926	7.503.394.926
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	4.303.644.926	4.303.644.926
Tăng trong năm	2.399.750.000	-	800.000.000	-	3.199.750.000
Giảm trong năm	-	-	-	4.189.561.930	4.189.561.930
Chia trả có tức	-	-	-	2.399.750.000	2.399.750.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.789.811.930	1.789.811.930
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>18.399.750.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>10.465.846.218</b>	<b>4.303.894.926</b>	<b>34.220.573.144</b>

Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên số 122/NQ- ĐHCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi 989.811.930 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển 800.000.000 đồng
- Có tức 15% 2.399.750.000 đồng (bằng có phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	16.000.000.000	16.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	2.399.750.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	18.399.750.000	16.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.189.561.930	2.564.092.505

**c. Cổ phiếu**

	Năm 2017 Cổ phiếu	Năm 2016 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.839.975	1.600.000
Cổ phiếu phổ thông	1.839.975	1.600.000
Cổ phiếu quỹ		

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP*

**5.15 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	733.240.759.057	661.336.173.075
Doanh thu bán xăng dầu	722.045.425.023	646.506.051.573
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	5.640.151.581	8.090.924.248
Doanh thu bán hàng hóa khác	5.555.182.453	6.739.197.254
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>84.295.815.901</b>	<b>80.407.213.977</b>
Doanh thu vận tải bộ	82.684.184.342	77.994.848.740
Doanh thu dịch vụ hoạt động khác	1.611.631.559	2.412.365.237
<b>Tổng</b>	<b>817.536.574.958</b>	<b>741.743.387.052</b>
<i>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>81.036.850.217</i>	<i>76.006.743.866</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</i>	<i>56.130.473.048</i>	<i>51.786.710.960</i>
<i>Công ty Xăng dầu Điện Biên</i>	<i>17.056.994.896</i>	<i>15.320.473.194</i>
<i>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</i>	<i>1.008.735.325</i>	<i>1.463.001.438</i>
<i>Công ty TNHH GAS Petrolimex Hà Nội</i>	<i>175.090.910</i>	<i>49.090.908</i>
<i>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex</i>	<i>91.964.905</i>	<i>117.618.703</i>
<i>Công ty MTV Petrolimex Lào</i>	<i>6.573.591.133</i>	<i>7.269.848.663</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>817.536.574.958</b>	<b>741.743.387.052</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.16 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	699.970.312.891	622.921.649.761
Giá vốn bán xăng dầu	689.379.693.562	609.131.975.544
Giá vốn bán dầu mỡ nhờn	5.114.292.893	7.462.417.437
Giá vốn bán hàng hóa khác	5.476.326.436	6.327.256.780
<b>Giá vốn cung cấp dịch vụ</b>	<b>62.663.442.726</b>	<b>59.199.960.971</b>
Giá vốn vận tải bộ	61.552.143.961	56.854.282.593
Giá vốn xây lắp sửa chữa	1.111.298.765	2.345.678.378
<b>Tổng</b>	<b>762.633.755.617</b>	<b>682.121.610.732</b>

**5.17 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	11.827.209	10.999.777
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.238.752	20.354.927
<b>Tổng</b>	<b>19.065.961</b>	<b>31.354.704</b>

**5.18 Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	2.040.958.820	1.866.014.626
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.051.982	20.622.269
<b>Tổng</b>	<b>2.062.010.802</b>	<b>1.886.636.895</b>

11/01/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.19 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí bán hàng	28.235.329.584	31.904.980.609
Chi phí nhân viên	11.779.900.350	12.904.942.451
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	403.827.011	525.910.853
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.068.227.681	1.540.583.622
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.043.286.660	996.671.815
Chi phí sửa chữa tài sản	2.297.085.320	1.506.536.364
Chi phí bốc xếp, vận chuyển, bảo hiểm	3.172.120.490	3.004.581.067
Thuế, phí và lệ phí	254.338.245	674.634.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	662.977.363	1.605.997.728
Chi phí bằng tiền khác	7.553.566.464	9.145.122.069
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>19.052.635.694</b>	<b>20.733.883.950</b>
Chi phí nhân viên quản lý	8.938.381.320	8.143.479.002
Chi phí vật liệu quản lý	-	72.679.092
Chi phí đồ dùng văn phòng	275.092.448	649.591.392
Chi phí khấu hao TSCĐ	436.931.239	612.956.819
Thuế phí và lệ phí	141.500.000	765.100.000
Chi phí dự phòng	(1.069.727.289)	1.069.727.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.055.806.892	1.241.874.637
Chi phí bằng tiền khác	9.274.651.084	8.178.475.719
<b>Tổng</b>	<b>47.287.965.278</b>	<b>52.638.864.559</b>

**5.20 Lợi nhuận khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý TSCĐ	342.999.999	139.090.909
Thu nhập khác	9.735.692	4.501.853
<b>Tổng</b>	<b>352.735.691</b>	<b>143.592.762</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt thuế theo biên bản thanh tra Thuế và phạt vi phạm khác	548.944.173	-
Chi phí khác	29.201.460	16.363.636
<b>Tổng</b>	<b>578.145.633</b>	<b>16.363.636</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(225.409.942)</b>	<b>127.229.126</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	5.346.499.280	5.254.858.696
Điều chỉnh tăng	665.910.173	88.375.136
Chia lãi liên kết thanh lý xe	20.000.000	16.363.636
Thu lao HĐQT và BKS không điều hành trực tiếp	96.966.000	72.011.500
Phạt vi phạm theo biên bản thanh tra	548.944.173	-
Điều chỉnh giảm	798.137.682	-
Thu nhập chịu thuế công ty	5.214.271.771	5.343.233.832
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.042.854.354	1.068.646.766
Thuế phải nộp theo Quyết định cơ quan thuế	-	3.600.000
<b>Tổng</b>	<b>1.042.854.354</b>	<b>1.065.046.766</b>
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.042.854.354	1.065.046.766
<b>Tổng</b>	<b>1.042.854.354</b>	<b>1.065.046.766</b>

**5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.303.644.926	4.189.811.930
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	989.811.930
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.303.644.926	3.200.000.000
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.721.631	1.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.500	2.000

(\*): Theo Nghị Quyết số 122/NQ- ĐHCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2017, Đại Hội đồng Cổ đông Công ty chưa xác định số quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trích trong năm 2017. Do đó, cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, Công ty chưa xác định số tiền để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.23 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	32.099.297.540	30.697.546.254
Chi phí nhân công	36.157.556.681	36.915.881.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.447.395.985	6.882.443.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.636.064.383	3.146.238.011
Chi phí khác bằng tiền	30.611.093.415	35.376.189.182
<b>Tổng</b>	<b>109.951.408.004</b>	<b>113.018.298.754</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

*Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, BKS	Tiền lương và Thù lao	2.027.395.762	2.221.193.845
<b>Tổng</b>		<b>2.027.395.762</b>	<b>2.221.193.845</b>

*Số dư và Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.*

**6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh phụ tùng, dịch vụ sửa chữa và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2017:

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	51.756.512.646	6.084.305.786	987.150.011	58.827.968.443
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Các khoản phải thu	3.996.815.566	16.734.441.216	48.286.502	20.779.543.284
Hàng tồn kho	400.308.274	4.090.179.345	2.401.129.717	6.891.617.336
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	6.985.509.239
<b>Tổng tài sản theo bộ phận</b>				<b>93.484.638.302</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	32.120.524.765	3.179.709.057	323.124.964	35.623.358.786
Phải trả tiền vay	4.004.349.022	20.000.000.000	-	24.004.349.022
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	-	2.950.190.346
<b>Tổng nợ phải trả theo bộ phận</b>				<b>62.577.898.154</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

*Đơn vị tính: VND*

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	77.994.848.740	646.506.051.573	17.242.486.739	741.743.387.052
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
Loại trừ lãi chưa thực hiện	-	-	-	-
<b>Doanh thu</b>	<b>77.994.848.740</b>	<b>646.506.051.573</b>	<b>17.242.486.739</b>	<b>741.743.387.052</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	1.698.191.122	3.153.484.958	228.235.150	5.079.911.230
Lãi tiền gửi	-	-	-	31.354.704
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	143.592.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.065.046.766)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.189.811.930</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2017:

*Đơn vị tính: VND*

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	53.480.055.271	5.901.642.549	104.283.730	59.485.981.550
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	1.013.319.689
Các khoản phải thu	5.458.839.601	12.648.207.878	814.538.536	18.921.586.015
Hàng tồn kho	421.456.113	3.198.530.301	2.316.639.701	5.936.626.115
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	14.872.420.387
<b>Tổng tài sản theo bộ phận</b>				<b>100.229.933.756</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	32.164.331.874	10.391.076.411	326.002.005	42.881.410.290
Phải trả tiền vay	-	21.446.876.890	-	21.446.876.890
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.681.073.432
<b>Tổng nợ phải trả theo bộ phận</b>				<b>66.009.360.612</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

*Đơn vị tính: VND*

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>	82.684.184.342	722.045.425.023	12.806.965.593	817.536.574.958
Tổng doanh thu				
<b>Doanh thu</b>	<b>82.684.184.342</b>	<b>722.045.425.023</b>	<b>12.806.965.593</b>	<b>817.536.574.958</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	1.905.322.927	2.992.893.353	76.481.348	4.974.697.628
Lãi tiền gửi	-	-	-	19.065.961
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	352.735.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.042.854.354)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>4.303.644.926</b>

**6.3 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.595.826.835	1.483.076.079
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.405.733.458	13.029.505.580
<b>Tổng</b>	<b>25.001.560.293</b>	<b>14.512.581.659</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	21.446.876.890	24.004.349.022
Phải trả người bán và phải trả khác	10.486.941.032	2.577.600.248
Chi phí phải trả	44.776.000	121.275.949
<b>Tổng</b>	<b>31.978.593.922</b>	<b>26.703.225.219</b>

**6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty phát sinh rất ít các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty phát sinh các khoản vay chịu lãi suất là không đáng kể do chỉ phát sinh vay ngắn hạn và thời hạn ngắn, do đó, không có rủi ro lãi suất.

*Rủi ro về giá*

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ các nhà cung cấp trong cùng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để phục vụ hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục, thường xuyên đối chiếu công nợ và các khách hàng trong cùng Tập đoàn.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	21.446.876.890	-	21.446.876.890
Phải trả người bán và phải trả khác	10.486.941.032	-	10.486.941.032
01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	24.004.349.022	-	24.004.349.022
Phải trả người bán và phải trả khác	2.577.600.248	-	2.577.600.248

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.595.826.835	-	9.595.826.835
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.405.733.458	-	15.405.733.458
01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.483.076.079	-	1.483.076.079
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.029.505.580	-	13.029.505.580



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

*Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Đinh Xuân Vũ**

**Ngô Thị Vui**

**Lê Tự Cường**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÀU 02-B/HN-CTC

**PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2017

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Tổng số	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
						Trong đó:			
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	
1	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	56.130.473.048	-	-	-	-	
2	XD	11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	17.056.994.896	-	-	-	-	
3	XD	11056500	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	175.090.910	-	-	-	-	
4	CP	11038000	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	91.964.905	-	-	-	-	
5	CP	11006001	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	6.573.591.133	-	-	-	-	
6	CP	110117000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	1.008.735.325	-	-	-	-	
			<b>Tổng</b>	<b>81.036.850.217</b>	-	-	-	-	

Đơn vị tính: VND

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018  
 Giám đốc



Lê Tự Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÁU 04/HN-CTC

**PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
 Kỳ báo cáo: năm 2017

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	D	1	2	3	4
I			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	4.090.179.345	201.170.771	42.988.720	-
II			Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ	688.521.199.442	1.980.478.882	153.292.720	-
1	XD	11001100	Văn phòng Công ty Xăng dầu Khu vực I	31.638.215.369	-	-	-
2	XD	11015100	Văn phòng Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	297.750.912.891	416.251.122	-	-
3	XD	11015300	Chi nhánh xăng dầu Hòa Bình- Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	199.948.239.361	-	-	-
4	CP	11024000	Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex	-	1.564.227.760	-	-
5		11056000	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	-	-	153.292.720	-
			Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu (PTC)	159.183.831.821	-	-	-
III			Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	689.412.848.486	1.933.762.144	161.918.080	-
IV			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	3.198.530.301	247.887.509	34.363.360	-

Đơn vị tính: VND

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018  
 Giám đốc



Lê Tự Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MAU 04/HN-CTC

**PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2017

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Ký quỹ ký cược	Cho vay nội bộ	Đơn vị tính: VND
										A
<b>PHẦN I: NGÂN HẠN</b>										
1	XD	11017000	Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu (PTC)	4.702.051.851	2.923.016.181	-	-	-	-	-
2	XD	11042000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	1.870.895.266	2.923.016.181	-	-	-	-	-
3	XD	11024504	Công ty Xăng dầu Lào Cai	19.052.550	-	-	-	-	-	-
4	CP	11006001	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	2.802.461.859	-	-	-	-	-	-
5	CP	11038000	Công ty Bảo hiểm PJIICO Thăng Long	9.642.176	-	-	-	-	-	-
<b>PHẦN II: DÀI HẠN</b>										

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018  
 Giám đốc



Lê Tự Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÁU 06/HN-CTC

**PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HXXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			<b>PHẦN I: NGẮN HẠN</b>						
1	XD	11017000	Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu (PTC)	9.767.736.357	-	-	-	-	-
2	XD	11056000	Công ty TNHH Gas Petrolimex HN	9.635.031.659	-	-	-	-	-
4	CP	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	36.918.346	-	-	-	-	-
			<b>PHẦN II: DÀI HẠN</b>						

Người lập



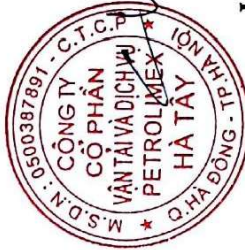
Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018  
 Giám đốc




Lê Tự Cường

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

  
M.S.D.N : 0500387891 - C.T.C.P  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ  
PETROLIMEX  
HÀ TÂY  
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

**Lê Tự Cường**